

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

PHỤ LỤC 6

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO
TỈNH BẮC GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN
ĐẾN NĂM 2050**

Bắc Giang 10- 2020

MỤC LỤC

Phần I: HỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO.....	1
I. THỰC TRẠNG VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO GIAI ĐOẠN 2011-2019	1
1. Thực trạng văn hoá	1
1.1. Di sản văn hóa	1
1.2. Thực trạng hệ thống thiết chế văn hóa.....	7
1.3. Xây dựng đời sống văn hoá cơ sở	13
1.4. Hoạt động nghệ thuật biểu diễn.....	14
1.5. Hoạt động Văn học nghệ thuật, Mỹ thuật, nhiếp ảnh, Triển lãm.....	14
1.6. Phát triển hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng	15
1.7. Hoạt động quảng cáo ngoài trời	17
1.8. Công nghiệp văn hóa	19
2. Thực trạng thể dục, thể thao.....	19
2.1. Hiện trạng phát triển thể dục thể thao quần chúng.....	19
2.2. Hiện trạng phát triển thể thao thành tích cao	20
2.3. Cơ sở vật chất thể dục, thể thao.....	21
II. THỰC TRẠNG HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO	23
1. Thiết chế văn hóa.....	23
1.1. Bảo tàng.....	23
1.2. Thư viện.....	23
1.3. Rạp chiếu phim	23
1.4. Cơ sở đào tạo, biểu diễn.....	23
1.5. Nhà văn hóa	24
1.6. Quy hoạch sử dụng đất xây dựng thiết chế văn hóa.....	24
2. Cơ sở vật chất thể thao.....	25
2.1. Sân vận động	25
2.2. Nhà thi đấu thể thao	25
2.3. Công trình thể dục, thể thao cấp huyện, xã.....	25
2.4. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch sử dụng đất cơ sở thể thao.....	26
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG.....	27
1. Những kết quả đạt được	27
2. Tồn tại, hạn chế.....	27
2.1. Về văn hóa	27
2.2. Về thể thao.....	29
Phần II: PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, THỂ THAO THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.....	31
I. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO.....	31

1. Dự báo tình hình	31
2. Quan điểm phát triển.....	31
3. Mục tiêu phát triển.....	32
4. Định hướng phát triển	33
4.1. Lĩnh vực di sản văn hóa	33
4.2. Lĩnh vực thể dục, thể thao	34
II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO	35
1. Dự báo các yếu tố tác động phát triển văn hóa, thể thao.....	35
2. Quan điểm phát triển.....	35
3. Các tiêu chuẩn, quy định áp dụng	35
4. Mục tiêu phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao	35
4.1. Về bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa có giá trị trên địa bàn tỉnh	35
4.2. Về phát triển thiết chế văn hóa, thể thao.....	36
5. Quy hoạch phát triển mạng lưới.....	36
5.1. Bảo tồn di sản văn hóa	36
5.2. Thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh	46
6. Nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao	47
6.1. Cấp tỉnh quản lý.....	47
6.2. Cấp huyện, xã quản lý.....	47
7. Nhu cầu vốn đầu tư.....	47
7.1. Nhu cầu kinh phí trùng tu tôn tạo di tích	47
7.2. Nhu cầu đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao	49
7.3. Nhu cầu đầu tư tượng đài	50
III. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.....	51
1. Mục tiêu.....	51
2. Phương hướng	52
3. Phát triển hạ tầng	52
IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	52
1. Về phát triển nguồn nhân lực	52
2. Giải pháp cơ chế, chính sách và quản lý điều hành	53
3. Về xã hội hóa.....	53
4. Về tổ chức liên kết, phối hợp	53
5. Đầu tư cơ sở vật chất	53

DANH MỤC BẢNG, HÌNH

Bảng 1: Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch trong công tác xếp hạng di tích	2
Bảng 2 : Hiện trạng phân bố di tích, di sản văn hóa phi vật thể.....	4
Bảng 3: Hiện trạng các địa điểm khảo cổ học	4
Bảng 4: Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn tỉnh.....	6
Bảng 5: Hiện trạng hoạt động Thư viện tỉnh giai đoạn 2016- 2020	8
Bảng 6: Hiện trạng hoạt động Thư viện các huyện, thành phố giai đoạn 2016- 2020.....	8
Bảng 7: Hiện trạng hoạt động chiếu phim công lập giai đoạn 2016- 2020.....	9
Bảng 8: Hiện trạng hoạt động chiếu phim lưu động giai đoạn 2016- 2020.....	10
Bảng 9: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch hoàn thiện hệ thống Nhà văn hóa, Trung tâm VH TT cơ sở.....	11
Bảng 10: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu văn hóa giai đoạn 2011-2019.....	13
Bảng 11: Hiện trạng hệ thống tượng đài trên địa bàn tỉnh	16
Bảng 12: Thực trạng hoạt động thể dục thể thao quần chúng	20
Bảng 13: Thực trạng hoạt động thể dục thể thao thành tích cao	20
Bảng 14: Cơ sở vật chất thể thao cấp tỉnh	21
Bảng 15: Thống kê số công trình thể thao.....	22
Bảng 16: Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất TĐTT	26
Bảng 17: Quy hoạch tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị di tích giai đoạn 2021- 2030	38
Bảng 18: Quy hoạch khảo cổ giai đoạn năm 2021-2030	43
Bảng 19: Quy hoạch tượng đài giai đoạn 2021-2030	44
Bảng 20: Quy hoạch phát triển thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	46
Bảng 21: Nhu cầu đầu tư tôn tạo các di tích do cấp tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030.....	48
Bảng 22: Danh mục các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2030.....	50
Bảng 23: Nhu cầu đầu tư xây dựng tượng đài trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn năm 2021-2030.	51
Hình 1: Bản đồ hiện trạng cơ sở văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Giang.....	3
Hình 2: Một số hình ảnh lễ hội Bắc Giang	6
Hình 3: Ảnh tượng đài Hoàng Hoa Thám.....	16
Hình 4: Quy hoạch cơ sở văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	37

Phần I

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO

I. THỰC TRẠNG VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO GIAI ĐOẠN 2011-2019

1. Thực trạng văn hoá

Sau 10 năm thực hiện Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2020, lĩnh vực văn hóa đã có chuyển biến tích cực, nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và nhân dân trên địa bàn được nâng lên. Đời sống văn hóa ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của địa phương được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng. Nhiều phong trào, hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực; phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng... Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng được mở rộng, góp phần đáng kể vào việc xây dựng các thiết chế văn hóa. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo; nhiều phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa ở cả ba cấp hành chính được tăng cường, thể chế văn hóa từng bước được hoàn thiện.

1.1. Di sản văn hóa

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể được trú trọng về cả quy mô cũng như về chiều sâu, góp phần dần đưa di sản văn hóa trở thành nguồn lực cho phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, đặc biệt là du lịch.

1.1.1. Di sản văn hóa vật thể

Tính đến nay trên địa bàn tỉnh có 730 di tích đã được xếp hạng, gồm: 04 di tích và cụm di tích cấp quốc gia đặc biệt¹ (với 26 điểm)²; 101 di tích xếp hạng cấp quốc gia; 603 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Riêng giai đoạn 2011-2019, tỉnh Bắc Giang xếp hạng 304 di tích cấp tỉnh; 15 di tích cấp quốc gia; 4 di tích, cụm di tích cấp quốc gia đặc biệt. Công tác xếp hạng di tích cơ bản hoàn thành và vượt ở chỉ tiêu di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt.

¹ gồm: Di tích Những điểm khởi nghĩa Yên Thế, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà và Địa điểm Chiến thắng Xương Giang.

² Cả nước có 119 di tích cấp quốc gia đặc biệt.

Bảng 1: Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch trong công tác xếp hạng di tích

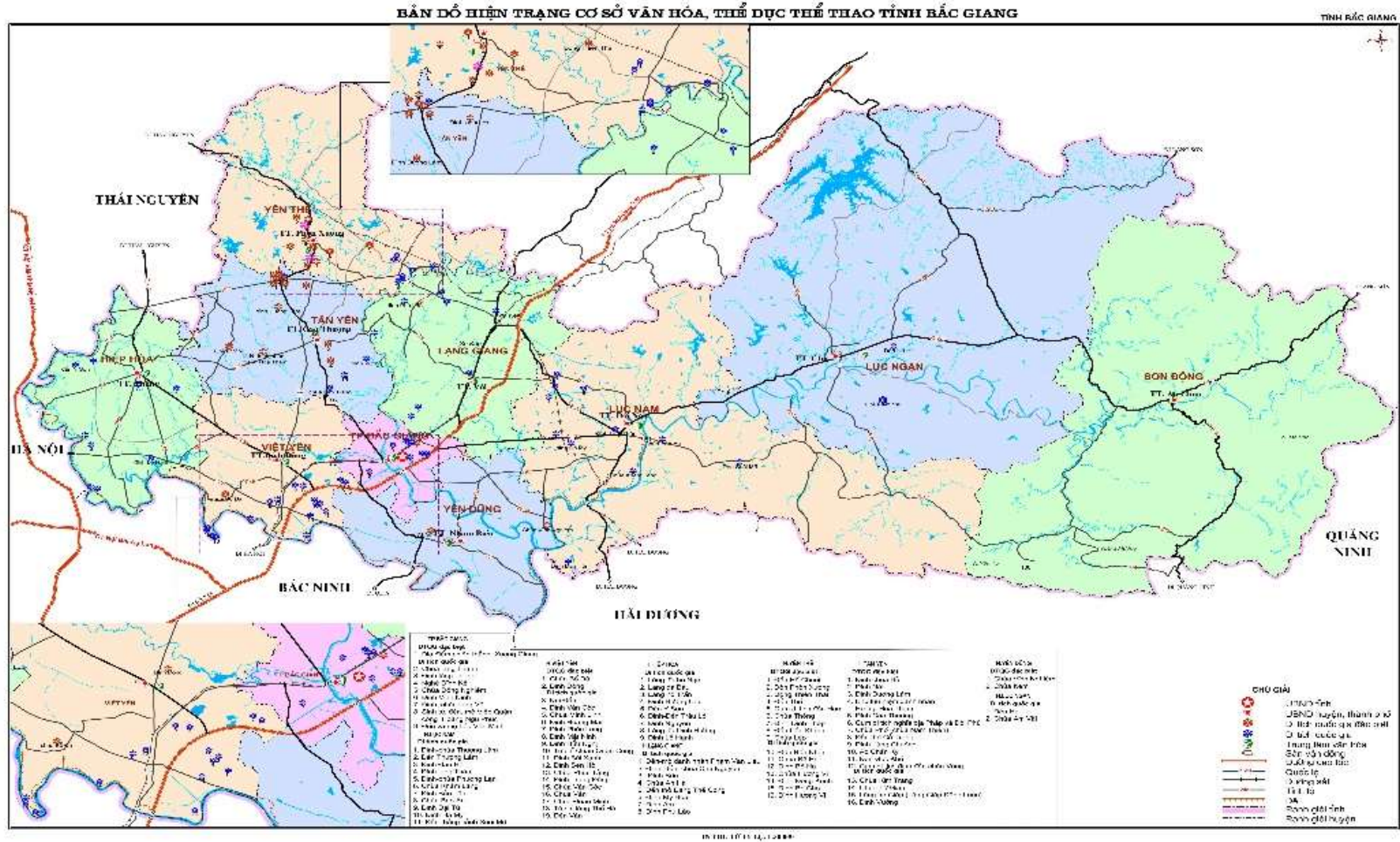
TT	Nội dung	Đơn vị	Chỉ tiêu đến năm 2020	Thực hiện đến năm 2019
1	Di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt	Di tích	Không xây dựng	26 (23 điểm thuộc khởi nghĩa Yên Thế)
2	Di tích được xếp hạng cấp quốc gia	Di tích	150-155	101
3	Di tích được xếp hạng cấp tỉnh	Di tích	600-700	603
	Tổng			730

Hệ thống di tích của Bắc Giang (2.237 di tích) chỉ đứng sau Hà Nội (5.175 di tích) và Thái Bình (2.539 di tích) về số lượng; số di tích cấp quốc gia đặc biệt đứng sau Hà Nội (17 di tích), Quảng Ninh (5 di tích), Thanh Hóa (5 di tích); số di tích cấp quốc gia đứng nhóm 10 tỉnh, thành có số lượng di tích cấp quốc gia trên 100 di tích.

Tỉnh Bắc Giang hiện có 03 hiện vật được công nhận bảo vật quốc gia: Mộc bản chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên; Hương án đá chùa Khám Lạng, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam; Bia hộp đá thời Mạc, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang. Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

Nhìn chung, công tác kiểm kê, xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thời gian qua được tỉnh quan tâm triển khai. Đây là tiền đề quan trọng cho việc bảo vệ các giá trị cốt lõi cũng như không gian di sản, tạo cơ hội đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác bảo tồn, bảo quản, tôn tạo và phục hồi di tích.

Hình 1: Bản đồ hiện trạng cơ sở văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Giang



Bảng 2 : Hiện trạng phân bố di tích, di sản văn hóa phi vật thể

TT	Địa bàn	Số di tích, di sản, bảo vật	Bảo vật quốc gia	Di tích cấp quốc gia đặc biệt	Di tích cấp quốc gia	Di tích cấp tỉnh	Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và thế giới
Toàn tỉnh							- Ca trù - Dân ca Quan họ - Nghi lễ Then của người Tày Nùng
Địa bàn cấp huyện							
1	Tp. Bắc Giang	48	01	01	13	34	
2	Lục Ngạn	42		0	02	40	- Dân ca Cao Lan - Dân ca Sán Chí
3	Lục Nam	85	01	0	16	69	- Lễ hội đền Suối Mỡ
4	Sơn Động	14		0	0	14	
5	Yên Thế	44		9	06	29	- Lễ hội Yên Thế
6	Hiệp Hòa	127		0	20	107	- Lễ hội Y Sơn
7	Lạng Giang	104		0	18	86	
8	Tân Yên	92		12	6	74	- Lễ hội đình Vòng
9	Việt Yên	94	01	2	18	74	- Lễ hội Thổ Hà - Lễ hội chùa Bỏ Đà
10	Yên Dũng	80		2	2	76	- Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm
Tổng		730	03	4 cụm (26 điểm)	101	603	12

1.1.2. Công tác khảo cổ học

Công tác khảo cổ là tiền đề quan trọng cho việc xây dựng hồ sơ di sản, hồ sơ khoa học và định hướng cho công tác bảo tồn. Trong thời gian qua, tỉnh Bắc Giang đã tiến hành khai quật khảo cổ tại 17 điểm trên địa bàn toàn tỉnh, tổng diện tích khai quật 2.673m², thu thập và đánh giá trên 50.000 nghìn hiện vật.

Bảng 3: Hiện trạng các địa điểm khảo cổ học

TT	Địa điểm khai quật	Diện tích khai quật (m ²)	Năm khai quật	Niên đại	Số hiện vật
1	Chùa Đông Lâm (xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa)	80 (Lần 1)	1968	TK XIV - I TCN	16.600
		101 (Lần 2)	2002		15.000

TT	Địa điểm khai quật	Diện tích khai quật (m ²)	Năm khai quật	Niên đại	Số hiện vật
2	Chùa Cao (xã Khám Lạng, huyện Lục Nam)	82	1998	TK XI - XIX	1.000
		95	2013		
3	Lò luyện Kim cổ (xã Yên Lư, huyện Yên Dũng)	120	2005	TK XII - XIX	2.000
4	Lò luyện sắt vườn lò (xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa)	80	2006	TK XVII -XVIII	3.000
5	Đền Cầu Từ (xã Phương Sơn, huyện Lục Ngạn)	66 (Lần 1)	2007	TK XI - XIV	5.000
		97 (Lần 2)	2009		
6	Thành (Đền) Xương Giang (P.Xương Giang, TP Bắc Giang)	100 (Lần 1)	2008	TK XV	3.500
		1001(Lần 2)	2011		
7	Đồn Hồ Chuối (xã Phồn Xương, huyện Yên Thế)	90	2010	TK XIX - XX	248 17 58
8	Đồn Hom (xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế)	30			
9	Đền Quan Lớn (xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế)	20			
10	Chùa Hồ Bắc (xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam)	21	2012	TK XI - XVIII	100
11	Chùa Đám Trì (xã Lục Sơn, huyện Lục Nam)	50	2014	TK XI - XIX	2527
12	Chùa Vĩnh Nghiêm (xã Trí Yên, huyện Yên Dũng)	100	2015	TK XIII - XIX	84
13	Đền Chùa Hả (xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn)	100	2016	TK XI - XIX	47
14	Chùa Mã Yên (xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam)	200	2017	TK XV - XIX	414
15	Đền Tam Linh (xã Đông Hưng, huyện Lục Nam)	40	2018	TKXIII - XX TK XI- XII	100
16	Miếu Tiên Cô (xã Đông Hưng, huyện Lục Nam)	40			
17	Đồi Bia (xã An Thượng, huyện Yên Thế)	160	2019	TK XII-XIX	808
Tổng cộng		2.673	18		50.503

1.1.3. Di sản văn hóa phi vật thể

Trong công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, tỉnh tiếp tục tập trung bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (UNESCO công nhận): dân ca Quan họ, Ca Trù, tín ngưỡng thờ Mẫu tam phủ của người Việt, thực hành Then

dân tộc Tày, Nùng. Thông qua các hoạt động truyền dạy, hỗ trợ câu lạc bộ ở cơ sở. Giai đoạn 2010-2019, các đơn vị sự nghiệp của ngành hỗ trợ trang thiết bị cho khoảng 60 CLB nghệ thuật truyền thống cơ sở, tổ chức trên 300 lớp truyền dạy dân ca Quan họ và Ca Trù tại các câu lạc bộ ở làng, xã; tổ chức và hỗ trợ tổ chức liên hoan, hội thi văn nghệ truyền thống ở cả ba cấp tỉnh, huyện, xã. Bắc Giang hiện có 84 câu lạc bộ quan họ với gần 1.500 hội viên tham gia, 07 câu lạc bộ Ca trù, có 02 nghệ nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, 29 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. Hệ thống di tích gắn với không gian diễn xướng Quan họ tại 18 làng Quan họ cổ cũng được quan tâm được tu bổ, tôn tạo với tổng kinh phí trên 30 tỷ đồng.

Hình 2: Một số hình ảnh lễ hội Bắc Giang



Theo thống kê, hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 779 lễ hội được tổ chức (gồm 777 lễ hội truyền thống, 02 lễ hội văn hóa), trong đó có 10 lễ hội cấp huyện, còn lại là lễ hội cấp xã. Nhiều lễ hội được tổ chức có quy mô lớn, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh tham dự như: Lễ hội Thổ Hà, lễ hội chùa Bồ Đà (huyện Việt Yên); lễ hội Yên Thế (huyện Yên Thế); lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm (huyện Yên Dũng); lễ hội Y Sơn (huyện Hiệp Hòa); lễ hội Đình Vòng (huyện Tân Yên); lễ hội Suối Mỡ (huyện Lục Nam); lễ hội chiến thắng Xương Giang (thành phố Bắc Giang); lễ hội Tiên Lục (huyện Lạng Giang); lễ hội Tây Yên Tử (huyện Sơn Động),... Một số địa phương có nhiều lễ hội được tổ chức như huyện Tân Yên (183 lễ hội), Việt Yên (129 lễ hội), Lạng Giang (121 lễ hội),... Có 10 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, cụ thể:

Bảng 4: Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn tỉnh

TT	Tên di sản	Năm công nhận
1	Dân ca Cao Lan	2012
2	Dân ca Sán Chí	2012
3	Lễ hội Thổ Hà	2012

TT	Tên di sản	Năm công nhận
4	Lễ hội Yên Thế	2012
5	Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm	2013
6	Lễ hội đình Vòng	2015
7	Lễ hội Y Sơn	2015
8	Nghi lễ Then của người Tày, Nùng	2015
9	Lễ hội Suối Mỡ	2016
10	Lễ hội chùa Bồ Đà	2017

1.2. Thực trạng hệ thống thiết chế văn hóa

1.2.1. Hệ thống bảo tàng

Toàn tỉnh hiện có 02 bảo tàng công lập là: Bảo tàng tỉnh Bắc Giang trực thuộc Sở VH-TT-DL và Bảo tàng Quân đoàn 2; chưa có bảo tàng tư nhân phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, đã hình thành nhiều nhà sưu tầm hiện vật, cổ vật có tên tuổi với việc sở hữu số lượng lớn hiện vật có giá trị, phục vụ việc trao đổi, mua bán, lưu giữ và trưng bày tại cơ sở kinh doanh, gia đình. Đó là điều kiện, tiền đề để thành lập các bảo tàng tư nhân trong tương lai.

Bảo tàng tỉnh Bắc Giang được xếp loại là bảo tàng cấp II. Trong những năm qua, hoạt động của Bảo tàng tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Giai đoạn 2010-2019, Bảo tàng tỉnh đã tổ chức sưu tầm gần 1.200 hiện vật, nâng tổng số hiện vật của Bảo tàng lên 53.397 hiện vật (vượt chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2020 là 3.397 hiện vật). Bên cạnh đó, Bảo tàng tỉnh đã chủ động trong phối hợp với một số đơn vị ngành giáo dục tổ chức các nội dung sinh hoạt ngoại khóa tại Bảo tàng cho đối tượng học sinh, nâng cao sự tiếp cận của xã hội trong hoạt động bảo tàng.

Những hạn chế trong hoạt động bảo tàng: Công tác trưng bày của Bảo tàng tỉnh còn sơ sài, hoạt động nói chung mới đảm bảo công tác bảo tồn, tuyên truyền, giáo dục, chưa hướng đến hoạt động dịch vụ và chưa gắn với nhu cầu tham quan, giải trí. Nguyên nhân một phần xuất phát từ thực trạng cơ sở vật chất của công trình xây dựng đã cũ, không gian trưng bày đơn giản và hệ thống hiện vật tuy nhiều về số lượng nhưng ít hiện vật quý hiếm có khả năng thu hút khách tham quan, nghiên cứu.

1.2.2. Hệ thống thư viện công cộng

Hệ thống thư viện công cộng tỉnh Bắc Giang hiện nay gồm: 01 thư viện cấp tỉnh, 10 thư viện cấp huyện, 69 thư viện cấp xã và một số phòng đọc cấp thôn. Tổng số sách hiện có trong các kho Thư viện tỉnh là 170.631 cuốn, trong đó kho sách Hạt nhân là 135.692 cuốn (phục vụ tại chỗ), kho sách luân chuyển là 34.939 cuốn; kho báo - tạp chí đóng hơn 4.000 cuốn được lưu trữ từ năm 1979 đến nay. Thư viện tỉnh

phục vụ tại chỗ từ 35.000 lượt bạn đọc và 50.000 lượt tài liệu luân chuyển tài liệu sách, báo/năm. Ngoài ra, còn phục vụ bạn đọc bằng nhiều hình thức khác nhau như luân chuyển đến các thư viện huyện, trại giam phạm nhân của Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh, phục vụ lưu động tại các đợt trưng bày, triển lãm sách, báo nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh.

Thư viện cấp huyện trực thuộc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện, thành phố; trong đó, Thư viện thành phố Bắc Giang có trụ sở riêng, các thư viện cấp huyện mới có trụ sở - nhà thư viện nằm ghép với cơ quan khác: Hội trường UBND huyện, nhà trưng bày truyền thống, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện. Cán bộ thư viện có trình độ đại học chiếm 80% (trong đó 40% tốt nghiệp chuyên ngành thư viện, 40% học ngành xã hội nhân văn khác) và 20% trình độ cao đẳng thư viện. Đến nay, bình quân số sách, tài liệu đạt trên 10.000 tài liệu, cấp đổi 400 thẻ bạn đọc, phục vụ gần 6.000 lượt bạn đọc/thư viện/huyện.

Giai đoạn 2010-2019, lượng sách, ấn phẩm trong hệ thống thư viện có sự tăng trưởng nhưng thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Bảng 5: Hiện trạng hoạt động Thư viện tỉnh giai đoạn 2016- 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020
1	Sách hiện có	Bản	148,449	153,143	161,634	170,631	176,000
2	Cấp đổi thẻ bạn đọc	Thẻ	907	1,050	2,193	1,645	1,100
3	Lượt bạn đọc	Lượt	12,000	10,070	20,355	100,000	48,000
4	Lượt sách luân chuyển	Lượt	30,100	31,725	55,777	85,000	50,000

Bảng 6: Hiện trạng hoạt động Thư viện các huyện, thành phố giai đoạn 2016- 2020

TT	Đơn vị	Số thư viện huyện	Số sách trong TV huyện bản)	Số lượt sách luân chuyển	Cấp đổi thẻ	Lượt bạn đọc
1	TP Bắc Giang	1	12850	1000	1029	2500
2	Huyện Yên Thế	1	7000	2198	200	1120
3	Huyện Yên Dũng	1	7699	2500	300	1500
4	Huyện Tân Yên	1	15082	3600	420	3200
5	Huyện Lạng Giang	1	9275	2150	220	1450
6	Huyện Hiệp Hòa	1	12414	2375	420	4800
7	Huyện Lục Ngạn	1	11662	1833	320	3600
8	Huyện Việt Yên	1	7500	2150	200	1671
9	Huyện Sơn Động	1	10560	1000	350	3500
10	Huyện Lục Nam	1	21350	2000	530	4880
Tổng số		10	115392	20806	3989	28221

Cơ sở vật chất hệ thống thư viện của tỉnh nhìn chung còn nhiều khó khăn; trong đó, Thư viện tỉnh được xây dựng từ năm 2001, kết cấu công trình còn tốt nhưng thiết kế chưa phù hợp để phát triển hoạt động thư viện theo hướng hiện đại. Phần diện tích phục vụ chuyên môn (phòng mượn, phòng đọc, phòng báo, phòng nghe nhìn) đều nhỏ và hoạt động chung với các bộ phận hành chính, quản lý. Từ năm 2016, Thư viện tỉnh đã triển khai tiếp cận mạng thư viện điện tử nhưng hệ thống sách điện tử và cơ sở vật chất cho mạng hoạt động này còn nhiều hạn chế. Có 9/10 thư viện cấp huyện chưa có trụ sở độc lập. Do chưa phát huy hiệu quả hoạt động và ảnh hưởng của cuộc cách mạng số nên số lượng thư viện cấp xã có xu hướng giảm trong những năm qua.

1.2.3. Rạp chiếu phim

Tỉnh Bắc Giang hiện có 03 hệ thống cụm rạp chiếu phim đang hoạt động, trong đó:

- Rạp Sông Thương xây dựng từ năm 1976, sửa chữa năm 1997, có 02 phòng chiếu phim, tổng 500 ghế ngồi, hiện do Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý. Từ năm 2017 đến nay, do cơ sở vật chất xuống cấp, không được đầu tư máy chiếu kỹ thuật số và do không cạnh tranh được với 02 cụm rạp tư nhân trên địa bàn thành phố Bắc Giang được đầu tư tốt hơn nên hoạt động chiếu phim kinh doanh tại rạp Sông Thương không hiệu quả. Năm 2018, Trung tâm đã khôi phục lại phòng chiếu phim tại tầng 2 Rạp Sông Thương thành phòng chiếu phim chuyên đề: Chiếu các bộ phim kinh điển của Việt Nam và thế giới phục vụ cho nhiều đối tượng và các lứa tuổi khác nhau. Phối hợp cùng với các Trường PTTH, THCS, Tiểu học trên địa bàn thành phố Bắc Giang chiếu phim kinh doanh, phục vụ đối tượng học sinh với nội dung phim đa dạng, phong phú, phù hợp với từng độ tuổi, tuy nhiên kết quả đạt được khá khiêm tốn.

Bảng 7: Hiện trạng hoạt động chiếu phim công lập giai đoạn 2016- 2020

Nội dung	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020
Số rạp chiếu phim	Đơn vị	01	01	01	01	01
Số buổi chiếu phim tại rạp	Buổi	190	50	50	42	42
Số lượt người xem chiếu phim	Người	3.800	5.000	5.000	1.000	800

- Hệ thống rạp chiếu phim do doanh nghiệp đầu tư, quản lý:

+ 01 Cụm rạp Lotte Cinema Bắc Giang; địa chỉ: Tầng 1, Trung tâm Thương mại Big C Bắc Giang, thành phố Bắc Giang. Cụm rạp có 4 phòng chiếu; tổng số chỗ ngồi là 556 ghế do Tập đoàn Lotte quản lý.

+ 01 Cụm rạp Beta Cineplex Bắc Giang; địa chỉ: Tầng 4, siêu thị Co.opmart Bắc Giang, 51 Nguyễn Văn Cừ, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang. Cụm

rap có 03 phòng chiếu, tổng số hơn 500 ghế ngồi, hệ thống rap do Công ty cổ phần Beta Media quản lý.

Các Rap chiếu phim tư nhân trên hiện nằm trong tổ hợp của các trung tâm thương mại, giải trí nên thuận tiện cho người dân. Ngoài ra, các rap này còn được đầu tư hệ thống công nghệ chiếu phim hiện đại, nguồn phim cập nhật, phong phú cả trong nước và quốc tế. Vì vậy, đã thu hút đông đảo khán giả đến xem, thưởng thức.

Ngoài ra, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh còn duy trì hoạt động 03 Tổ chiếu bóng lưu động phục vụ miền núi với công suất bình quân cả giai đoạn 2010-2019 là 550 buổi chiếu/năm. Hoạt động chiếu phim, chiếu bóng lưu động đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, bên cạnh đó còn phục vụ công tác tuyên truyền, thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở vùng núi, trung du. Tuy nhiên, thời gian gần đây hoạt động chiếu phim lưu động tại các địa phương hiệu quả không cao, lượng khán giả đến xem có xu hướng giảm dần.

Bảng 8: Hiện trạng hoạt động chiếu phim lưu động giai đoạn 2016- 2020

Nội dung	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020
Số buổi chiếu phim lưu động	Buổi	660	550	550	500	500
Số lượt người xem chiếu phim lưu động	Người	165.000	81.000	81.000	80.000	50.000

1.2.4. Hệ thống nhà văn hóa các cấp

- Cấp tỉnh: Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Bắc Giang được thành lập theo Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng vào Trung tâm Văn hóa tỉnh và đổi tên đơn vị là Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh. Trung tâm sau sáp nhập có trụ sở tại Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng (cũ) được xây dựng từ lâu, qua nhiều lần sửa chữa, nâng cấp, không đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ và tiêu chuẩn quy định của Bộ VH-TTDL; còn trụ sở của Trung tâm Văn hóa tỉnh (cũ) đã bàn giao cho Tỉnh đoàn Bắc Giang để xây dựng Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên. Tại đây, các hoạt động câu lạc bộ, tổ chức sự kiện, văn nghệ quần chúng và công tác tập luyện các đội thông tin tuyên truyền lưu động đều được tổ chức tại Rap Sông Thương. Hiện nay, Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh tỉnh đã chuyển trụ sở làm việc vào Sở Giáo dục và Đào tạo (cũ), bàn giao hiện trạng cơ sở vật chất cho UBND tỉnh. Giai đoạn tới, tỉnh cần đầu tư xây dựng mới Trung tâm Văn hóa - Hội chợ - Triển lãm tỉnh đảm bảo quy mô tiêu chuẩn theo hướng dẫn của Bộ VH-TTDL.

- Cấp huyện: Có 10/10 huyện, thành phố có Hội trường do Trung tâm Văn hóa - Thể thao quản lý (từ cuối năm 2018, Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Đài Truyền thanh, Ban Quản lý di tích sáp nhập thành Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao). Giai đoạn 2015- 2019, đã xây dựng mới 02 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 01

Nhà văn hóa đa năng với tổng kinh phí 102,766 tỷ đồng. Trong đó, Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Yên Dũng được xây dựng và sắp hoàn thành với tổng kinh phí 40 tỷ đồng. Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện Lục Nam kết hợp Nhà Thiếu nhi huyện với tổng diện tích trên 5000m² với tổng kinh phí trên 49,766 tỷ đồng. Nhà Văn hóa đa năng huyện Sơn Động được xây dựng và hoàn thiện năm 2015 với 500 chỗ ngồi, kinh phí xây dựng 13 tỷ đồng.

- Cấp xã, cấp thôn: Đến hết tháng 3/2020, toàn tỉnh hiện có 198/209 NVH cấp xã, phường, thị trấn (đạt 94,7%). Trong đó, có 187 NVH có đạt tiêu chuẩn của Bộ VHTTDL (chiếm 94,4%). Các huyện: Yên Dũng, Lạng Giang, Việt Yên đạt 100% xã có NVH. Có 2.029/2.132 NVH cấp thôn (đạt 95,2%); trong đó có 1.756 NVH đạt tiêu chuẩn của Bộ VHTTDL (đạt 82,3%). Các huyện có tỷ lệ NVH cao: TP Bắc Giang (100%), Lạng Giang (99,6%), Tân Yên (99,4%), Yên Dũng, Yên Thế (96,6%). Hệ thống nhà văn hóa thôn chủ yếu tổ chức thực hiện các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng, của các câu lạc bộ (Dân ca, Phòng chống bạo lực gia đình), của các đoàn thể (Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Người cao tuổi), các hoạt động luyện tập thể thao hoặc phổ biến chuyển giao kỹ thuật...

Bảng 9: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch hoàn thiện hệ thống Nhà văn hóa, Trung tâm VHTT cơ sở

Cấp hành chính	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2020	Thực hiện đến năm 2019
Cấp tỉnh	Đến năm 2015, đầu tư nâng cấp hoàn chỉnh Trung tâm Văn hóa tỉnh đạt chuẩn theo quy định của Bộ chủ quản. Cơ cấu Trung tâm Văn hóa tỉnh gồm: Hội trường và sân khấu biểu diễn nghệ thuật (1.000-1.500 chỗ ngồi); khu thông tin, triển lãm trong nhà và ngoài trời; khu dịch vụ văn hóa nghệ thuật (các câu lạc bộ, phòng chiếu phim, khu vui chơi giải trí,..); và các khu vực dịch vụ khác.	Tỉnh chưa có Trung tâm Văn hóa đạt chuẩn theo quy định của Bộ VHTTDL
Cấp huyện	- 2011-2015: 100% số Trung tâm VHTT huyện/thành phố có Nhà văn hóa và đưa vào hoạt động; - 2016-2020: đầu tư trang thiết bị, nâng cấp các Trung tâm VHTT huyện/thành phố đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Trung ương.	- 10/10 huyện, Thành phố có Nhà Văn hóa. - 5/10 huyện, Thành phố có NVH đảm bảo tiêu chuẩn.
Cấp cơ sở	- 2011-2015: 50% số xã có Nhà văn hóa. - 2016-2020: 80% số xã có Trung tâm VHTT. - Nhà Văn hoá, Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn/khu phố/cụm dân cư. 2010-2015: 100% số thôn/khu phố/cụm dân cư có Nhà văn hóa, Nhà sinh hoạt cộng đồng. 2016-2020: Hoàn thành nâng cấp các thiết chế VHTT đảm bảo tiêu chuẩn hướng dẫn của Trung ương.	- Cấp xã: 198/209 (95%) xã có Nhà văn hóa (vượt chỉ tiêu quy hoạch). - Cấp thôn: 2.029/2.132 NVH (92,3%) trong đó 1.756 NVH đạt chuẩn tiêu chí Trung ương (đạt 82,3% chỉ tiêu kế hoạch).

Toàn tỉnh còn 11/209 xã, phường, thị trấn chưa có nhà văn hóa; 11/198 NVH xã chưa đạt chuẩn quy định của Bộ VHTTDL. Đa số các nhà văn hóa xã chưa có cán bộ chuyên trách, mà do các cán bộ kiêm nhiệm tổ chức hoạt động. Hơn 30% số nhà văn hóa chưa đảm bảo được kinh phí hoạt động thường xuyên nên hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Vẫn còn 103 thôn, bản chưa có NVH; 17,7% số nhà văn hóa hiện không đạt chuẩn của Bộ VHTTDL. Trên 90% số nhà văn hóa thôn không có kinh phí hoạt động, không có cán bộ có nghiệp vụ quản lý, chủ yếu do trưởng thôn hoặc cán bộ đoàn thể phụ trách. Tổ chức hoạt động ở nhà văn hóa thôn chưa được duy trì thường xuyên do thiếu kinh phí hoặc không có cán bộ tổ chức hoạt động.

1.2.5. Nhà văn hóa lao động

Năm 2014, tỉnh Bắc Giang đã đầu tư xây dựng Nhà văn hóa lao động do Liên đoàn Lao động tỉnh quản lý. Nhà văn hóa được xây dựng trên khuôn viên có diện tích 7.900 m²; diện tích xây dựng là 2.040 m², sàn sử dụng là 3.500 m². Có 01 hội trường lớn với sức chứa 450 người; 01 hội trường nhỏ với sức chứa 145 người; 10 phòng chức năng và 02 phòng làm việc của lãnh đạo, cán bộ. Hội trường đã được trang bị cơ bản đầy đủ các thiết bị để phục vụ các hội nghị, hội thảo, hội thi, hội diễn ở các quy mô khác nhau. Các phòng chức năng đã trang bị các điều kiện cơ bản để phục vụ cho các hoạt động liên kết mở các lớp đạo tạo, các câu lạc bộ... Ngoài ra, tỉnh Bắc Giang còn có 01 NVH của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc thuộc Bộ Công thương quản lý; 01 NVH do Trung tâm Chăm sóc và Phát huy vai trò Người cao tuổi trực thuộc Hội Người cao tuổi tỉnh quản lý.

1.2.6. Nhà văn hóa thiếu nhi

Tỉnh Bắc Giang hiện có 04 công trình phục vụ thiếu niên và nhi đồng gồm: 01 Cung văn hóa thiếu nhi, 01 Trung tâm Hoạt động thanh, thiếu niên tỉnh Bắc Giang (xây dựng năm 2017) do Tỉnh đoàn quản lý; 01 Cung văn hóa thiếu nhi do Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Lục Nam quản lý (xây dựng năm 2015) và 01 Cung văn hóa thiếu nhi do Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Lục Ngạn quản lý. Trong đó, Trung tâm Hoạt động thanh, thiếu niên tỉnh Bắc Giang với tổng mức đầu tư hơn 51 tỷ đồng, có ba tầng với diện tích khoảng 3.400 m² gồm các công trình: Tòa nhà trung tâm, đảo hồ cùng một số hạng mục phụ trợ như bể bơi, các phòng chức năng dành cho hoạt động thể dục thể thao, đào tạo kỹ năng sống, mỹ thuật, âm nhạc phục vụ nhu cầu vui chơi, học tập, rèn luyện của thanh niên, thiếu niên. Cung Văn hóa thiếu nhi tỉnh đến thời điểm hiện tại đã xuống cấp, hoạt động kém hiệu quả. Giai đoạn 2021-2030, tỉnh cần đầu tư mới, đồng bộ để phục vụ tốt hơn các nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của lứa tuổi thiếu niên, nhi đồng.

1.2.7. Nhà văn hóa phục vụ công nhân, người lao động tại các Khu công nghiệp

Giai đoạn 2011-2020, UBND tỉnh ban hành Đề án hoàn thiện thiết chế Văn hóa, trong đó có nội dung xây dựng thiết chế VHTT khu công nghiệp. Tuy nhiên, do khó khăn về quy hoạch đất, chưa có cơ chế thu hút đầu tư xây dựng và duy trì hoạt

động Trung tâm VH TT khu công nghiệp, nên hiện nay tỉnh chưa có các thiết chế văn hóa ở các khu, cụm công nghiệp.

1.3. Xây dựng đời sống văn hoá cơ sở

Giai đoạn 2011-2020, đời sống văn hóa cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực. Cùng với việc vận động giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các cấp ủy Đảng, chính quyền tỉnh đã tập trung tuyên truyền, vận động xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nếp sống văn minh trong gia đình, cơ quan, làng, xã. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được lan toả gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng văn hóa công sở, xây dựng đô thị văn minh.

Năm 2019, tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt 89,4%; tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 80,8%; tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt 52,5%; tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 76,9%.

Bảng 10: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu văn hóa giai đoạn 2011-2019

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2019
- Số cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	1684/1977	1.751/2.327	1.706/2.046
- Số cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	1684/1977	1.751/2.327	1.706/2.046
- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa (%)	85,1	75,2	84
- Số gia đình văn hoá	325.779/398.782	367.756/426.467	402.236/450.051
- Tỷ lệ gia đình văn hoá (%)	81,6	86,2	89,4
- Số làng bản, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá	1.409/2.464	1.765/2.495	1.772/2.193
- Tỷ lệ làng bản, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá (%)	57,2	71	80,8

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn nhiều tồn tại trong mục tiêu xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm rút ngắn. Văn hoá ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng...Giai đoạn tới, nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hoá, phát triển văn hoá địa phương phải hướng tới xây dựng con người văn hoá, đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện cá nhân theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, khóa XI.

1.4. Hoạt động nghệ thuật biểu diễn

Phong trào văn hóa, văn nghệ đạt được nhiều thành tựu khi vẫn duy trì phong trào trên diện rộng và dần đi vào chiều sâu, coi trọng chất lượng hoạt động của phong trào. Nhiều mục tiêu của phong trào liên tục được giữ vững đã góp phần lớn vào xây dựng môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh.

Tỉnh có 1 đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp (Nhà hát Chèo Bắc Giang). Giai đoạn 2010-2019, Nhà hát Chèo được đầu tư nâng cấp, cải tạo, cơ sở vật chất tương đối đồng bộ và cơ bản đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ hiện tại của đơn vị. Nhà hát có hơn 60 cán bộ, trong đó có 1 nghệ sĩ nhân dân và 8 nghệ sĩ ưu tú.

Hàng năm, Nhà hát Chèo tổ chức biểu diễn 140 buổi, phục vụ hơn 200.000 lượt người xem, với nhiều tiết mục đặc sắc, đạt giải cao tại các Liên hoan nghệ thuật toàn quốc. Các đội văn nghệ quần chúng tổ chức hơn 13.000 buổi sinh hoạt văn nghệ, thu hút hơn 190.000 lượt người xem. Về nghệ thuật không chuyên, tỉnh hiện có hơn 2.400 đội văn nghệ quần chúng và hơn 400 câu lạc bộ văn nghệ quần chúng.

Việc thực hiện các chỉ tiêu hoạt động nghệ thuật biểu diễn giai đoạn 2010-2019 nhìn chung chưa hoàn thành do một số chỉ tiêu xây dựng cao, kinh phí hoạt động không đảm bảo đầy đủ. Theo quy hoạch phát triển VHTTDL đến năm 2020 cũng như định hướng bảo tồn di sản văn hóa nghệ thuật truyền thống, Nhà hát Chèo còn thiếu rạp hát với quy mô nhỏ phục vụ công tác tập luyện cũng như truyền dạy và phát huy nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật truyền thống (Chèo, ca trù, quan họ...).

Công tác xã hội hóa nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp gặp nhiều khó khăn. Đến nay, tỉnh Bắc Giang có khoảng 10 công ty có chức năng biểu diễn nghệ thuật do tư nhân quản lý và chỉ hoạt động theo sự kiện như: khai trương, khánh thành, hội thảo, hội nghị, chương trình giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu của các công ty, doanh nghiệp, các tổ chức... Hoạt động biểu diễn nghệ thuật của một số cơ sở XHH còn hạn chế (phòng trà âm nhạc), tỉnh chưa có cơ chế, chính sách riêng hỗ trợ hoạt động của các đơn vị nghệ thuật xã hội hóa.

1.5. Hoạt động Văn học nghệ thuật, Mỹ thuật, nhiếp ảnh, Triển lãm

Hội Văn học - Nghệ thuật Bắc Giang hiện có hơn 150 hội viên, hoạt động trong 7 chuyên ngành, gồm: văn học, mỹ thuật, âm nhạc, nhiếp ảnh, sân khấu, kiến trúc và văn nghệ dân gian. Diễn đàn của hội là “Tạp chí Sông Thương”, định kỳ xuất bản 2 tháng/1 số, với số lượng 5.000 bản/năm. Giải thưởng của hội là “Giải thưởng văn học nghệ thuật Sông Thương”.

Về văn học nghệ thuật: Năm 2016, tổ chức 1 trại sáng tác văn học nghệ thuật tập trung tại Vĩnh Phúc; kết thúc trại sáng tác, các hội viên đã hoàn thành 1 tiểu thuyết, 1 truyện ngắn, 9 bài thơ, 2 kịch ngắn, 4 ca khúc, 20 ảnh, 1 tác phẩm nghiên cứu. Tổ chức 1 trại sáng tác văn học nghệ thuật không tập trung, với sự tham gia của hơn 50 hội viên của các chi hội văn học, âm nhạc, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu, văn nghệ dân gian. Kết quả thu được là 95 tác phẩm, trong đó có 18 tác phẩm văn,

55 tác phẩm thơ, 10 tác phẩm âm nhạc, 7 tác phẩm mỹ thuật, 5 tác phẩm nhiếp ảnh. Các tác phẩm chất lượng được chọn in trên tạp chí Sông Thương và được tuyển chọn, biên tập xuất bản sách “Mỹ thuật - Nhiếp ảnh Bắc Giang”.

Hoạt động Mỹ thuật: Năm 2016, tổ chức trại sáng tác Mỹ thuật Bắc Giang trong 3 tháng. Có 31 tác phẩm gửi trưng bày triển lãm mỹ thuật khu vực III lần thứ 21 và 16 tác phẩm trưng bày triển lãm của Hội Mỹ thuật Việt Nam. Kết quả 1 tác phẩm đạt giải B, 1 tác phẩm đạt giải khuyến khích, 2 tác phẩm dự xét giải thưởng của Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam.

Hoạt động Nhiếp ảnh: Tổ chức trại sáng tác Nhiếp ảnh Bắc Giang trong 3 tháng. Kết thúc, Hội chọn hơn 100 tác phẩm tham gia liên hoan Ảnh nghệ thuật khu vực tác tỉnh miền núi phía Bắc.

1.6. Phát triển hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng

Năm 2011, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1278/QĐ-UBND phê duyệt “Quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Thực hiện Quy hoạch trên, nhiều huyện, thành phố đã quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp, cũng như xây dựng mới tượng đài tại địa phương. Công trình tượng đài xây dựng mới được đầu tư về quy hoạch mặt bằng, kinh phí, công phu lựa chọn mẫu phác thảo, thể hiện phần mỹ thuật và chất liệu có giá trị cao như: Tượng đài Hoàng Hoa Thám và phù điêu (chất liệu đá) tại Công viên Hoàng Hoa Thám, thành phố Bắc Giang; Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh (chất liệu đồng) tại Khu Lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên; Tượng đài chiến thắng không quân Mỹ (chất liệu đá) tại khuôn viên cây xanh đầu cầu Sông Thương, thành phố Bắc Giang; Tượng đài huyện Yên Dũng (bổ sung quy hoạch-chất liệu đá) tại thị trấn Nham Biền. Tượng đài nâng cấp, cải tạo, chuyển chất liệu từ bê tông sang đồng có Tượng đài Ngô Gia Tự tại Công viên Ngô Gia Tự, thành phố Bắc Giang; Tượng đài Hoàng Hoa Thám tại khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế. Đến nay, tỉnh Bắc Giang có 16 tượng đài, tranh hoành tráng tiêu biểu.

Hình 3: Ảnh tượng đài Hoàng Hoa Thám**Bảng 11: Hiện trạng hệ thống tượng đài trên địa bàn tỉnh**

TT	Đơn vị hành chính	Tên tượng đài	Vị trí
1	TP. Bắc Giang	Tượng đài chiến thắng không quân Mỹ	Bên sông Thương, phường Trần Phú
2		Tượng đài Hoàng Hoa Thám	Công viên Hoàng Hoa Thám
3		Tượng đài Ngô Gia Tự	Công viên Ngô Gia Tự
4		Tượng đài Ngô Sĩ Liên	Trường PTTH Ngô Sĩ Liên
5	H. Lạng Giang	Phù điêu kỷ niệm chiến thắng phòng không không quân	Phố Giò, xã Tân Dĩnh
6		Tượng đài Chiến thắng Kép	Ngã năm Tân Thịnh, QL1A, Thị trấn Kép
7	H. Yên Dũng	Tượng đài chống Pháp	Nhà truyền thống xã Cảnh Thụy
8		Tượng đài Nguyễn Khắc Nhu	Trường THCS Nguyễn Khắc Nhu - xã Song Khê
9		Biểu tượng huyện Yên Dũng	Thị trấn Neo
10	H. Việt Yên	Đài Chiến thắng máy bay thứ 1300 bị bắn rơi tại Việt Yên	Khả Lý Hạ
11	H. Tân Yên	Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh	Khu Lưu niệm 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân tại xã Nhã Nam.

TT	Đơn vị hành chính	Tên tượng đài	Vị trí
12	H. Yên Thế	Tượng đài Hoàng Hoa Thám	Khu DTLS Hoàng Hoa Thám
13	H. Hiệp Hòa	Tượng đài truyền thống Hiệp Hòa	Thị trấn Thắng
14		Tượng đài nữ dân quân ôm lúa (tượng Bà Thao)	Xã Quang Minh
15		Tranh gếp gồm màu truyền thống ATK II	Xã Hoàng An
16	H. Sơn Động	Tượng đài Chiến thắng	Xã Dương Hưu

Nhìn chung, tượng đài và tranh hoành tráng xây dựng, nâng cấp, cải tạo thời gian qua trên địa bàn tỉnh Bắc Giang phong phú và đa dạng, khắc họa đậm nét chân dung anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá và các sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước, của tỉnh và các địa phương. Những công trình tượng đài này đã thể hiện nội dung tư tưởng sâu sắc và có giá trị thẩm mỹ cao, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, tạo cảnh quan môi trường văn hoá nghệ thuật, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống tượng đài trên địa bàn tỉnh thời gian qua còn tồn tại một số hạn chế như: Việc xây dựng hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang chưa bao quát và chưa thực sự tương xứng với vai trò, vị thế và truyền thống lịch sử - văn hóa của tỉnh. Một số công trình tượng đài xuống cấp, hư hỏng ảnh hưởng đến chất lượng nghệ thuật, gây mất mỹ quan nhưng chưa được đầu tư cải tạo, nâng cấp. Nhiều công trình đã được quy hoạch, phân kỳ đầu tư tại Quyết định số 1278/QĐ-UBND của UBND tỉnh, tuy nhiên do thiếu nguồn kinh phí nên chưa được triển khai thực hiện theo lộ trình đã được phê duyệt.

Dự báo trong thời gian tới, khi kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển thì nhu cầu hưởng thụ văn hoá của nhân dân sẽ ngày càng cao hơn; những giá trị văn hoá sẽ càng được quan tâm hơn, trong đó có tượng đài và tranh hoành tráng sẽ là nơi giáo dục truyền thống, thẩm mỹ cho nhân dân, là điểm tham quan du lịch hấp dẫn cho các du khách.

1.7. Hoạt động quảng cáo ngoài trời

Nhằm tăng cường quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời, tạo điều kiện cho hoạt động này phát triển, đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân, ngày 26/12/2011, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 1891/QĐ-UBND về việc phê duyệt “Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Quy hoạch quảng cáo đã được các cấp, các ngành và các địa phương triển khai thực hiện đem lại hiệu quả tích cực, góp phần tuyên truyền các

nhiệm vụ chính trị, quảng cáo thương mại, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an toàn giao thông, trật tự xã hội, mỹ quan đô thị.

Thực hiện Quy hoạch quảng cáo, các huyện, thành phố đã quan tâm ưu tiên dành những vị trí thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan; công tác xã hội hóa trong hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị kết hợp quảng cáo thương mại được các địa phương quan tâm, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, do đó các hoạt động tuyên truyền trực quan thời gian qua rất đa dạng và phong phú thể hiện cả về nội dung và phương tiện thực hiện. Số lượng bảng tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, các vấn đề an sinh xã hội trên địa bàn toàn tỉnh là 109 bảng: bảng tấm lớn trên 40m²: 21 bảng (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các ngành liên quan quản lý 11 bảng); bảng từ 20m² đến dưới 40m²: 48 (các ngành liên quan quản lý 07 bảng); bảng tấm nhỏ dưới 20m²: 40 bảng.

Hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh phát triển khá nhanh, phong phú, đa dạng hình thức thể hiện. Theo thống kê, rà soát, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hiện có 79 bảng quảng cáo thương mại tấm lớn (từ 40m² đến 200m² đứng độc lập); 350 bảng quảng cáo trên 20m² gắn trên các công trình xây dựng; khoảng trên 30.000 biển hiệu, bảng quảng cáo dưới 20m²; trên 3.000 pano tuyên truyền gắn quảng cáo. Toàn tỉnh có trên 80 doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh quảng cáo nhưng chưa có nhà đầu tư quảng cáo chuyên nghiệp.

Nhìn chung, hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan, quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bắc Giang sau khi có quy hoạch quảng cáo đã phát huy hiệu quả, kích thích bảng quảng cáo tương đối đồng đều, thống nhất về kiểu dáng, nhất là hệ thống bảng quảng cáo tấm lớn, đảm bảo thiết kế kỹ/mỹ thuật đúng quy hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực trạng hoạt động quảng cáo ngoài trời còn có một số tồn tại, hạn chế như: Hoạt động quảng cáo ngoài trời phát triển chưa đồng đều, chưa xứng tầm với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; việc áp dụng công nghệ hiện đại trong tuyên truyền, quảng cáo còn hạn chế; một số số bảng tuyên truyền đã lỗi thời, xuống cấp nghiêm trọng; nhiều địa phương chưa đầu tư được hệ thống khung, cột treo bảng rộn phục vụ hoạt động quảng cáo thương mại; trạm bản tin phục vụ quảng cáo rao vặt...theo định hướng của UBND tỉnh tại Quyết định số 1891/QĐ-UBND; hoạt động quảng cáo ở một số nơi còn lộn xộn, không đúng quy chuẩn về kích thước làm mất mỹ quan, ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ.

Hiện nay, do sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, trong đó có sự thay đổi về hạ tầng giao thông, những đổi mới trong bộ mặt đô thị, cùng với hệ thống chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư thông thoáng và cởi mở, tỉnh Bắc Giang được coi là là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Do vậy, dự kiến trong thời gian tới, hoạt động quảng cáo sẽ có bước phát triển mạnh, với sự gia tăng về số lượng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo, sự mở rộng, đa dạng về hình thức, quy mô và công nghệ quảng cáo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Do đó, cần thiết phải định hướng mới để quy hoạch lại hoạt động tuyên truyền trực quan, quảng cáo

ngoài trời nhằm đáp ứng được tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ mới.

1.8. Công nghiệp văn hóa

Với định hướng hình thành và phát triển nền công nghiệp văn hóa theo tinh thần Nghị quyết 33/NQ-TW, ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Việc nghiên cứu thị trường văn hóa, công nghiệp văn hóa đối với tỉnh Bắc Giang mới dừng ở giai đoạn nghiên cứu và định hướng. Qua rà soát đơn vị kinh doanh thuộc 12 lĩnh vực (quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa), tổng giá trị sản phẩm đóng góp trong GRDP địa bàn ước khoảng 1.000 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng gần 1% GRDP của tỉnh năm 2019), trong đó tập trung vào lĩnh vực giải trí, quảng cáo, kiến trúc và du lịch văn hóa. So với mục tiêu của cả nước đến năm 2020 (công nghiệp văn hóa đóng góp 3% GRDP), lĩnh vực công nghiệp văn hóa Bắc Giang còn khoảng cách khá xa, công nghiệp văn hóa gắn với công nghiệp sáng tạo chưa phát triển, dịch vụ văn hóa vẫn là chủ yếu.

2. Thực trạng thể dục, thể thao

Hoạt động thể dục thể thao của tỉnh được quan tâm đầu tư phát triển cả về thể thao phong trào và thể thao thành tích cao, cụ thể như sau:

2.1. Hiện trạng phát triển thể dục thể thao quần chúng

Tỷ lệ người tập TDTT thường xuyên tăng lên hàng năm. Đến hết năm 2019, tỷ lệ người tập TDTT thường xuyên đạt 35% (tăng 7,8% so năm 2011); số hộ gia đình thể thao là 55.500 hộ (tăng 9.500 hộ so năm 2011), số câu lạc bộ TDTT là 2.670 câu lạc bộ TDTT đơn môn, đa môn (tăng 1.072 CLB so năm 2011); số giải thể thao có quy mô cấp xã phường, thị trấn 1.900 giải; số giải thể thao có quy mô cấp huyện, thành phố, ngành 130 giải; số giải thể thao cấp tỉnh tổ chức 24 giải, trong đó bao gồm cả giải phối hợp với các ngành.

Phong trào TDTT trong trường học: 100% số trường thực hiện đúng chương trình giảng dạy theo quy định của Bộ GD&ĐT; có khoảng 80% các trường duy trì tập luyện TDTT ngoại khóa dưới hình thức CLB thể thao, mỗi tuần tập luyện từ 2-3 buổi; 100% trường cơ bản có đủ dụng cụ phục vụ giảng dạy nội ngoại khóa; hệ thống thi đấu các giải trong chương trình Hội khỏe phù đồng hàng năm được duy trì, ổn định. Phong trào TDTT trong lực lượng vũ trang được quan tâm thường xuyên, duy trì 95 - 97% cán bộ, chiến sỹ tham gia tập luyện thể thao, ngoài nội dung các môn thể thao quân sự, các môn thể thao như Cầu lông, Quần vợt, Bóng đá, Bóng chuyền, Điền kinh, Võ thuật... được các đơn vị thường xuyên luyện tập và tham gia tích cực các giải thể thao do ngành và tỉnh tổ chức. Phong trào TDTT trong thanh, thiếu niên thu hút trên 40.000 đoàn viên, thanh niên tham gia; Phong trào TDTT trong công nhân viên chức người lao động toàn tỉnh phát triển mạnh với phương châm mỗi

người lựa chọn ít nhất 01 môn thể thao phù hợp để tập luyện, có khoảng 65 - 70% cán bộ CNVC tham gia tập luyện thường xuyên...

Bảng 12: Thực trạng hoạt động thể dục thể thao quần chúng

stt	Nội dung	Đơn vị tính	2011	2015	2019
1	Tỷ lệ người tập luyện TDTT thường xuyên	%	27,2	31,6	35
2	Số hộ và tỷ lệ % hộ gia đình tập luyện TDTT	Hộ	46.000	51.612	55.500
		%	8,4	12	13
3	Số câu lạc bộ TDTT	CLB	1.598	1.883	2.670
4	Tỷ lệ trường đảm bảo giờ học thể dục nội khóa	%	100	100	100
5	Tỷ lệ trường hoạt động thể thao ngoại khóa thường xuyên	%	45	78	80
6	Tỷ lệ học sinh đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể	%	91	95	98

2.2. Hiện trạng phát triển thể thao thành tích cao

Giai đoạn 2011-2020, thể thao thành tích cao Bắc Giang tham gia bình quân khoảng 45-60 giải đấu trong nước và quốc tế/năm, giành được nhiều huy chương và có nhiều đóng góp cho nền thể thao quốc gia, thành tích thể thao của tỉnh năm sau đều cao hơn năm trước. Tại các kỳ Đại hội TDTT toàn quốc, đoàn thể thao Bắc Giang luôn xếp thứ hạng 15-20 toàn đoàn và nhiều lần đứng đầu các tỉnh miền núi trong cả nước (năm 2014 tại Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII, đoàn thể thao Bắc Giang tham gia thi đấu 7/36 môn thể thao, kết quả đạt 33 huy chương các loại trong đó có 10 HCV, 11 HCB và 12 HCD xếp thứ nhất các tỉnh miền núi và thứ 19 trên 65 các tỉnh, thành phố và ngành tham dự đại hội. Được tặng 2 cờ và 1 Bằng khen (1 cờ nhất về thành tích thể thao các tỉnh miền núi, 1 cờ tổ chức tốt đại hội TDTT từ cơ sở đến toàn tỉnh, 1 Bằng khen đơn vị có thành tích tốt trong đại Hội TDTT toàn quốc). Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ XVIII năm 2018, Đoàn Bắc Giang tham dự 10/36 môn thể thao; kết quả giành 21 huy chương các loại (09 HCV, 03 HCB, 09 HCD) xếp thứ 1/19 tỉnh miền núi và thứ 18/65 tỉnh, thành, ngành về tham dự Đại hội, được tặng 02 cờ và 01 Bằng khen (01 cờ nhất về thành tích thể thao các tỉnh miền núi, 01 cờ tổ chức tốt Đại hội TDTT từ cơ sở đến toàn tỉnh, 01 Bằng khen đơn vị có thành tích tốt trong Đại hội Thể thao toàn quốc).

Bảng 13: Thực trạng hoạt động thể dục thể thao thành tích cao

stt	Nội dung	Đơn vị tính	2011	2015	2019
1	Số vận động viên cấp cao (VĐV đạt kiện tướng và cấp I Quốc gia)	VĐV	66	96	95
2	Số VĐV được tập trung đào tạo	VĐV	290	351	271
3	Số VĐV triệu tập đội tuyển quốc gia	VĐV	17	7	17

stt	Nội dung	Đơn vị tính	2011	2015	2019
4	Số huy chương đạt được trong các giải quốc gia	HC	106	119	223
5	Số huy chương đạt được trong các giải quốc tế	HC	21	21	13
6	Vị trí tại các Đại hội TDTT toàn quốc trên các tỉnh, thành phố và ngành tham dự đại hội		- Năm 2014: 19/65 - Năm 2018: 18/65		

2.3. Cơ sở vật chất thể dục, thể thao

2.3.1. Hệ thống cơ sở vật chất do tỉnh quản lý

- Sân vận động: Sân vận động Bắc Giang có sức chứa khoảng 15.000 chỗ ngồi, là loại hình sân phẳng (không mái che). Công trình được xây dựng cách đây gần 30 năm và đã xuống cấp dù trải qua nhiều lần cải tạo. Đây là thiết chế thể thao phục vụ hoạt động tập luyện thể lực, các môn điền kinh thuộc hệ thống thể thao thành tích cao của tỉnh, phục vụ các sự kiện VHTT lớn trên địa bàn tỉnh và phục vụ nhu cầu của nhân dân trên địa bàn Thành phố. Thiết chế bao gồm hệ thống khán đài, sân cỏ tự nhiên, đường pitch và một số phòng điều hành quản lý. Hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ hạn chế khi tổ chức các sự kiện tầm cỡ.

- Nhà thi đấu thể thao (4.000 chỗ ngồi): Năm 2019, tỉnh Bắc Giang hoàn thành các hạng mục chính công trình Nhà thi đấu Thể thao Bắc Giang và đưa vào sử dụng. Đây là thiết chế được đầu tư hiện đại, đồng bộ, đáp ứng được cơ bản các hoạt động thể dục thể thao trong nhà (ngoại trừ một số môn thể thao dưới nước).

- Nhà tập luyện và thi đấu TDTT: công trình Nhà thi đấu thể thao cũ, được xây dựng khoảng trên 20 năm trước. Công trình tuy đã xuống cấp nhưng vẫn có thể phục vụ các giải đấu quy mô nhỏ, giải đấu cấp tỉnh và phục vụ nhu cầu tập luyện TDTT của nhân dân trên địa bàn Thành phố. Giai đoạn tiếp theo, công trình cần được cải tạo để phù hợp với cảnh quan đô thị hiện đại và kéo dài tuổi thọ phục vụ tốt hơn nữa nhiệm vụ phát triển thể thao của tỉnh.

Bảng 14: Cơ sở vật chất thể thao cấp tỉnh

TT	Danh mục	Số lượng	Địa điểm xây dựng	Quy mô, công suất
1	Sân vận động	1	Phường Ngô Quyền - TP BG	Khoảng 15.000 chỗ
2	Nhà tập luyện và thi đấu	1	Đường Nghĩa Long, Phường Trần Phú - TP BG	Khoảng 800 chỗ
3	Nhà Thi đấu thể thao	1	Khu Đô thị phía Nam	4000 chỗ ngồi

2.3.2. Hệ thống cơ sở vật chất công lập ở cấp huyện, xã và lực lượng vũ trang

Các công trình TDTT cấp huyện gồm: 10 sân vận động, chủ yếu là mặt sân đơn giản, các sân cơ bản đều có khán đài đơn giản: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam; Tân Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng (2 sân, trong đó có 01 sân Trường Quân sự Quân

đoàn 2); Lạng Giang (2 sân, trong đó có 01 sân Quân đoàn 2). Riêng thành phố Bắc Giang chưa có sân vận động, sân vận động huyện Yên Thế đã giải tỏa sân vận động để đưa vào quy hoạch khu liên hợp thể thao của huyện.

Các công trình thể thao khác gồm: 16 Nhà tập luyện; 38 Sân quần vợt; 03 Bể bơi (huyện Lục Ngạn, Yên Dũng - của Trường Quân sự Quân đoàn 2; Lạng Giang - thuộc Quân đoàn 2).

Hệ thống cơ sở vật chất do xã, phường, thị trấn quản lý: Giai đoạn 2011-2020, các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh cơ bản hoàn thiện thiết chế Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã và có các khu điểm tập luyện TDTT bước đầu phục vụ nhu cầu của cán bộ, công chức viên chức và là nơi tập trung lực lượng thể thao địa phương chuẩn bị các giải đấu.

Sân bóng đá (quy cách đơn giản, mặt sân đất, san phẳng): Toàn tỉnh hiện có 619 sân bóng cả cấp xã và cấp thôn (152/209 sân cấp xã; 467 sân cấp thôn), tuy nhiên diện tích và chất lượng đều rất thấp. Ngoài hệ thống sân bóng của các đô thị được đầu tư chỉnh trang, hệ thống sân bóng cấp thôn chủ yếu là sân cấp III theo cấp kỹ thuật tiêu chuẩn thiết kế, mặt sân nền đất san phẳng, không có khu vực tường bao, thoát nước, cỏ mọc tự nhiên.

Ngoài ra, trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 126 nhà tập đơn giản, trong đó có 98/209 nhà cấp xã; có 3.015 sân tập thể thao do cấp xã, cấp thôn quản lý (158 sân cấp xã, 2.857 cấp thôn). Hệ thống các công trình này đang có những đóng góp lớn cho thể thao phong trào trên địa bàn tỉnh.

Bảng 15: Thống kê số công trình thể thao

TT	Nội dung	ĐVT	2011	2015	2019
1	Tổng diện tích đất dành cho TDTT	Ha	424,5	-	533
2	Bình quân diện tích đất dành cho TDTT/người dân	m ² /người	2,69	-	2,96
3	Số công trình thể thao có khán đài	CT	9	15	30
4	Số công trình thể thao không có khán đài	CT	420	450	521
5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có sân bãi tập luyện TDTT	%	135/230 (58,7%)	150/230 (65,2%)	164/209 (78,4%)
6	Số bể bơi	Bể	7	13	72

2.3.3. Công tác xã hội hóa thể thao

Hoạt động xã hội hóa đầu tư các công trình phục vụ thể dục thể thao đạt kết quả tích cực, góp phần cải thiện đời sống văn hoá, tăng cường bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân. Các tổ chức kinh tế, các công ty, doanh nghiệp, tư nhân đã đầu tư xây dựng các công trình thể thao phục vụ tập luyện của quần chúng như: Bóng đá, bóng

chuyền, cầu lông, bóng bàn, sân điền kinh, bể bơi.... Hiện có trên 300 tập thể và cá nhân có cơ sở tập luyện gắn với dịch vụ TDTT.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 01 sân golf hoạt động, 02 sân golf đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Với vị trí thuận lợi nằm trên tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh liền kề vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, diện tích đất tự nhiên lớn, nhiều cảnh quan phù hợp, việc chuyển đổi một phần đất sản xuất nông suất thấp sang đầu tư sân golf đem lại hiệu quả kinh tế cao và góp phần thúc đẩy phát triển ngành du lịch của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, lĩnh vực thể dục thể thao còn một số các hạn chế như: hệ thống thiết chế, công trình thể thao còn lạc hậu, xuống cấp cả ở cấp tỉnh và ở cấp cơ sở; phong trào thể dục thể thao phát triển chưa đồng đều giữa thành thị, nông thôn; thể thao thành tích cao còn thiếu khuyết hệ thống vận động viên năng khiếu thể thao cơ sở; lực lượng vận động viên xuất sắc mới tập trung vào số ít môn thể thao trọng điểm (Cầu lông, cờ vua, điền kinh); lực lượng huấn luyện viên trình độ hạn chế; công tác ứng dụng khoa học, công nghệ vào việc đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao còn hạn chế vì điều kiện cơ sở vật chất chưa đảm bảo.

II. THỰC TRẠNG HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO

1. Thiết chế văn hóa

1.1. Bảo tàng

Tỉnh hiện có 02 bảo tàng công lập là: Bảo tàng tỉnh Bắc Giang trực thuộc Sở VH-TT-DL và Bảo tàng Quân đoàn 2. Bảo tàng tỉnh Bắc Giang được xếp loại là bảo tàng cấp II trong hệ thống Bảo tàng Việt Nam.

1.2. Thư viện

Hệ thống thư viện công cộng tỉnh gồm 01 thư viện cấp tỉnh, 10 thư viện cấp huyện, 69 thư viện cấp xã và 01 thư viện cấp thôn. Thư viện cấp huyện trực thuộc Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện, thành phố; trong đó, Thư viện thành phố Bắc Giang có trụ sở riêng, các thư viện cấp huyện có trụ sở - nhà thư viện nằm ghép với cơ quan khác: Hội trường UBND huyện, nhà trưng bày truyền thống, các cơ quan chuyên môn khác thuộc UBND huyện. Nhìn chung cơ sở vật chất hệ thống thư viện của tỉnh nhìn chung còn nhiều khó khăn, chưa phát huy có hiệu quả.

1.3. Rạp chiếu phim

Tỉnh Bắc Giang hiện có 03 hệ thống cụm rạp chiếu phim đang hoạt động, trong đó Rạp Sông Thương cơ sở vật chất xuống cấp, hoạt động không hiệu quả. Còn lại 02 rạp chiếu phim do doanh nghiệp đầu tư hệ thống công nghệ chiếu phim hiện đại, đó là rạp Lotte Cinema Bắc Giang tại Trung tâm Thương mại Big C Bắc Giang và rạp Beta Cineplex Bắc Giang tại siêu thị Co.opmart Bắc Giang.

1.4. Cơ sở đào tạo, biểu diễn

- Trường Trung cấp VH-TT-DL có cơ sở vật chất được đầu tư tương đối đồng bộ trong giai đoạn 2016-2020, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của đơn vị.

Hiện Trường đang duy trì đào tạo khoảng 70 học sinh năng khiếu văn hóa nghệ thuật, liên kết đào tạo khoảng 150 học viên hệ Đại học.

- Tỉnh có 1 đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp (Nhà hát Chèo Bắc Giang). Giai đoạn 2010-2019, Nhà hát Chèo được đầu tư nâng cấp, cải tạo, cơ sở vật chất tương đối đồng bộ và cơ bản đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ hiện tại của đơn vị.

1.5. Nhà văn hóa

Nhà văn hóa: Cấp tỉnh có Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh cơ sở vật chất đã xuống cấp; Nhà văn hóa lao động do Liên đoàn Lao động tỉnh quản lý, khuôn viên có diện tích 7.900 m² diện tích xây dựng là 2.040 m², sàn sử dụng là 3.500 m²; NVH của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc thuộc Bộ Công thương quản lý; 01 NVH do Trung tâm Chăm sóc và Phát huy vai trò Người cao tuổi trực thuộc Hội Người cao tuổi tỉnh quản lý; 01 Trung tâm Hoạt động thanh, thiếu niên tỉnh với diện tích khoảng 3.400 m²; 01 Cung Văn hóa thiếu nhi tỉnh hiện tại đã xuống cấp, hoạt động kém hiệu quả. Cấp huyện có 10/10 huyện, thành phố có Hội trường do Trung tâm Văn hóa - Thể thao quản lý. Cấp xã, thôn: Toàn tỉnh hiện có 198/209 NVH cấp xã, phường, thị trấn (đạt 94,7%), trong đó có 187 NVH đạt tiêu chuẩn của Bộ VHTTDL (chiếm 94,4%); có 2.029/2.132 NVH cấp thôn (đạt 95,2%), trong đó có 1.756 NVH đạt tiêu chuẩn của Bộ VHTTDL (đạt 82,3%). Toàn tỉnh còn 11/209 xã, phường, thị trấn chưa có nhà văn hóa; 11/198 NVH xã chưa đạt chuẩn quy định của Bộ VHTTDL; còn 103 thôn, bản chưa có NVH, 17,7% số nhà văn hóa hiện không đạt chuẩn của Bộ VHTTDL.

1.6. Quy hoạch sử dụng đất xây dựng thiết chế văn hóa

Giai đoạn 2011-2020, các địa phương đã bước đầu quan tâm đến công tác quy hoạch sử dụng đất cơ sở văn hóa và có nhận thức đầy đủ hơn đối với phát triển văn hóa trong mục tiêu tổng thể phát triển KTXH. Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất và trong các quy hoạch phát triển đô thị, đất cơ sở văn hóa đã được xác định quy mô, vị trí phù hợp với yêu cầu phát triển của mỗi địa phương... Tuy nhiên, sau 10 năm triển khai thực hiện quy hoạch, đất cơ sở văn hóa trên địa bàn toàn tỉnh không những không tăng theo kịp yêu cầu phát triển KTXH mà giảm sâu kéo theo những khó khăn trong phát triển phong trào ở cơ sở.

Theo số liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường, năm 2010 tổng diện tích đất cơ sở văn hóa của tỉnh là 15,3ha, chiếm 0,004% tổng diện tích đất tự nhiên. Đến năm 2019, diện tích đất cơ sở văn hóa chỉ còn 8,8ha và chiếm 0,002% tổng diện tích đất tự nhiên. Việc thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cơ sở văn hóa thời kỳ 2010-2019 đạt tỷ lệ rất thấp (đạt 10% so với kế hoạch).

Ngoài ra, đất tại 06 khu công nghiệp chưa có quy hoạch bố trí cho các thiết chế văn hóa công nhân (KCN Đình Trám đã hết đất, 05 KCN còn lại còn quỹ đất có thể điều chỉnh quy hoạch bổ sung thiết chế VHTT). Quy hoạch đất dân cư giáp ranh các khu công nghiệp cũng chưa bổ sung đất cho cơ sở văn hóa hoặc chỉ bố trí quy hoạch trên quy mô dân số địa phương chưa tính đến yếu tố gia tăng cơ học.

Quá trình triển khai thực hiện các dự án phát triển đô thị hầu như chưa xem xét đến việc bố trí quỹ đất mới hoặc sắp xếp tăng diện tích đất cơ sở văn hóa hiện hữu để đáp ứng quy mô dân số sau khi đô thị hình thành.

2. Cơ sở vật chất thể thao

2.1. Sân vận động

Sân vận động Bắc Giang có sức chứa khoảng 15.000 chỗ ngồi, là loại hình sân phẳng (không mái che). Công trình được xây dựng cách đây gần 30 năm và đã xuống cấp dù trải qua nhiều lần cải tạo nên khó khăn, hạn chế khi tổ chức các sự kiện tầm cỡ.

2.2. Nhà thi đấu thể thao

Năm 2019, tỉnh Bắc Giang hoàn thành các hạng mục chính công trình Nhà thi đấu thể thao Bắc Giang với quy mô 4.000 chỗ ngồi, đáp ứng được cơ bản các hoạt động thể dục thể thao trong nhà (ngoại trừ một số môn thể thao dưới nước).

Nhà tập luyện và thi đấu TDTT: Công trình tuy đã xuống cấp nhưng vẫn có thể phục vụ các giải đấu quy mô nhỏ, giải đấu cấp tỉnh và phục vụ nhu cầu tập luyện TDTT của nhân dân trên địa bàn Thành phố.

2.3. Công trình thể dục, thể thao cấp huyện, xã

Các công trình TDTT cấp huyện gồm: 10 sân vận động, chủ yếu là mặt sân đơn giản, các sân cơ bản đều có khán đài đơn giản: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam; Tân Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng (2 sân, trong đó có 01 sân Trường Quân sự Quân đoàn 2); Lạng Giang (2 sân, trong đó có 01 sân Quân đoàn 2). Riêng thành phố Bắc Giang chưa có sân vận động, sân vận động huyện Yên Thế đã giải tỏa sân vận động để đưa vào quy hoạch khu liên hợp thể thao của huyện.

Các công trình thể thao khác gồm: 16 Nhà tập luyện; 38 Sân quần vợt; 03 Bể bơi (huyện Lục Ngạn, Yên Dũng - của Trường Quân sự Quân đoàn 2; Lạng Giang - thuộc Quân đoàn 2).

Hệ thống cơ sở vật chất do xã, phường, thị trấn quản lý: Giai đoạn 2011-2020, các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh cơ bản hoàn thiện thiết chế Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã và có các khu điểm tập luyện TDTT bước đầu phục vụ nhu cầu của cán bộ, công chức viên chức và là nơi tập trung lực lượng thể thao địa phương chuẩn bị các giải đấu.

Sân bóng đá (quy cách đơn giản, mặt sân đất, san phẳng): Toàn tỉnh hiện có 619 sân bóng cả cấp xã và cấp thôn (152/209 sân cấp xã; 467 sân cấp thôn), tuy nhiên diện tích và chất lượng đều rất thấp. Ngoài hệ thống sân bóng của các đô thị được đầu tư chỉnh trang, hệ thống sân bóng cấp thôn chủ yếu là sân cấp III theo cấp kỹ thuật tiêu chuẩn thiết kế, mặt sân nền đất san phẳng, không có khu vực tường bao, thoát nước, cỏ mọc tự nhiên.

Ngoài ra, trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 126 nhà tập đơn giản, trong đó có 98/209 nhà cấp xã; có 3.015 sân tập thể thao do cấp xã, cấp thôn quản lý (158 sân

cấp xã, 2.857 cấp thôn). Hệ thống các công trình này đang có những đóng góp lớn cho thể thao phong trào trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 200 cơ sở kinh doanh hoạt động thể dục thể thao (bao gồm cả doanh nghiệp và hộ kinh doanh) trong đó có 23 sân bóng đá (cỏ nhân tạo và cỏ tự nhiên), 11 hộ kinh doanh cầu lông, 10 cơ sở thẩm mỹ, 03 cơ sở bóng bàn, 01 cơ sở khiêu vũ thể thao, 03 cơ sở võ cổ truyền, 02 cơ sở võ Vovinam, 35 cơ sở thể hình, 12 cơ sở Yoga, 72 cơ sở bơi lội, 28 cơ sở Billiards&nooker; 45 sân quần vợt, 1 sân golf và một số loại hình khác.

Hiện trên địa bàn có 01 sân golf hoạt động, 02 sân golf mới được phê duyệt chủ trương đầu tư.

2.4. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch sử dụng đất cơ sở thể thao

Cùng với việc quy hoạch đất cơ sở văn hoá, thời gian qua tỉnh đã quan tâm đến quy hoạch đất thiết chế thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Đối với cấp tỉnh, giai đoạn 2011-2020, tỉnh Bắc Giang đã quy hoạch chi tiết xây dựng Khu liên hợp thể thao (phía Tây Thành phố Bắc Giang) và Khu thể thao tỉnh tại đô thị phía Nam. Cũng trong giai đoạn này, nhiều địa phương trong tỉnh đã triển khai lập quy hoạch đô thị trong đó có định hướng mở rộng, chuyển đổi vị trí các thiết chế thể thao đảm bảo tiêu chuẩn hướng dẫn của Bộ VHTTDL và các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy hoạch đất thể thao của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, cũng giống như công tác quy hoạch đất cơ sở văn hoá, giai đoạn 2011-2020 việc triển khai thực hiện quy hoạch đất thể thao chưa đạt mục tiêu đề ra (chỉ đạt 50% kế hoạch):

Bảng 16: Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất TDTT

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2010		Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2020		Hiện trạng năm 2019	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Tổng diện tích đất tự nhiên	384.157,6	100	389.558,6	100	389.558,6	100
2	Đất cơ sở TDTT	424,5	0,11	822,5	0,21	533,47	0,14

- Đất quy hoạch xã hội hóa thể thao: Giai đoạn 2011-2020, lĩnh vực thể thao ngoài công lập đã có những bước phát triển nhất định. Nhiều sân bóng nhân tạo được đầu tư, một số sân thể thao tư nhân cũng đi vào hoạt động... Tuy nhiên, việc quy hoạch đất đồng bộ cho các cơ sở xã hội hóa thể thao theo Nghị định 69/2008/NĐ-CP tại địa phương chưa được xây dựng. Các quỹ đất giành cho cơ sở thể thao ngoài công lập chủ yếu mang tính tự phát, không gắn với quy hoạch sử dụng đất. Bình quân định mức sử dụng đất cơ sở thể thao ở cả 3 cấp đạt thấp hơn so với định mức bình quân sử dụng tại Thông tư 01/2017/TT-BTNMT (thấp hơn khoảng 2,3 m²/người).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Sau 10 năm thực hiện Quy hoạch phát triển KTXH tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2020, lĩnh vực văn hóa đã có chuyển biến tích cực, nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và nhân dân trên địa bàn được nâng lên. Đời sống văn hóa ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của địa phương được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng. Nhiều phong trào, hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực; phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng... Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng được mở rộng, góp phần đáng kể vào việc xây dựng các thiết chế văn hóa. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo; nhiều phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa ở cả ba cấp hành chính được tăng cường, thể chế văn hóa từng bước được hoàn thiện. Công tác xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thời gian qua được tỉnh quan tâm thực hiện, đây là tiền đề quan trọng cho việc bảo vệ các giá trị cốt lõi cũng như không gian di sản, tạo cơ hội đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác bảo tồn, bảo quản, tôn tạo và phục hồi di tích.

Công tác phát triển thể thao trong những năm qua cũng đạt được những thành tích đáng khích lệ. Trong giai đoạn 2011-2020, thể thao thành tích cao Bắc Giang tham gia bình quân khoảng 45-60 giải đấu trong nước và quốc tế/năm, giành được nhiều huy chương và có nhiều đóng góp cho nền thể thao quốc gia, thành tích thể thao của tỉnh năm sau đều cao hơn năm trước. Tại các kỳ Đại hội TDTT toàn quốc, đoàn thể thao Bắc Giang luôn xếp thứ hạng 15-20 toàn đoàn và nhiều lần đứng đầu các tỉnh miền núi trong cả nước.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Về văn hóa

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn một số tồn tại trong mục tiêu xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh. Đời sống văn hóa tinh thần ở một số nơi còn đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa nông thôn và thành thị và giữa các tầng lớp nhân dân chậm rút ngắn. Văn hóa ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng...Giai đoạn tới, nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hoá, phát triển văn hoá địa phương phải hướng tới xây dựng con người văn hoá, đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện cá nhân theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, khóa XI.

Công tác quản lý tại các di tích chưa chặt chẽ. Tình trạng mất cổ vật trong di tích hoặc đưa linh vật, hiện vật không phù hợp vào các di tích vẫn diễn ra và chưa được khắc phục kịp thời, triệt để. Công tác tu bổ di tích tại một số nơi chưa chấp hành nghiêm theo quy định, làm mất đi nhiều yếu tố gốc của di tích.

Đôi với Nhà hát Chèo các chế độ luyện tập, biểu diễn, phụ cấp nghề nghiệp cho diễn viên, nghệ sĩ chưa được đảm bảo; thiếu nhân lực cho mảng ca múa dân gian truyền thống; thiếu phương tiện vận chuyển thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ cho công tác lưu diễn. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển không đồng đều, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số; đa phần các chương trình văn nghệ quần chúng ít khai thác từ nghệ thuật truyền thống, mà có xu hướng thiên về các tiết mục ca múa nhạc, trình bày ca khúc với dàn nhạc điện tử;...

Số lượng rạp chiếu phim còn ít, chất lượng chưa cao; trang thiết bị cho các đội chiếu bóng lưu động cũng không đạt chuẩn, chất lượng hình ảnh kém.

Đa phần các hoạt động văn học nghệ thuật, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm được tổ chức với quy mô nhỏ. Cơ sở vật chất cho tổ chức công tác triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh, văn học nghệ thuật còn thiếu. Các tác phẩm đạt giải, có chất lượng chưa tiếp cận, phổ biến đến công chúng do thiếu kinh phí tuyên truyền, quảng bá.

Hệ thống thư viện cấp huyện, xã và thôn/tổ dân phố đa phần chưa đáp ứng nhu cầu văn hóa đọc ở cơ sở. Số tài liệu sách, báo trang bị còn hạn chế và không có kinh phí để thực hiện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu và lạc hậu. Đa phần cơ sở thư viện cấp xã, thôn/tổ dân phố hoạt động ghép chung với các đơn vị khác, cán bộ phụ trách công tác thư viện là cán bộ kiêm nhiệm nên chế độ thù lao cho cán bộ kiêm nhiệm công tác thư viện vẫn chưa được đảm bảo. Vì vậy, số ngày, số giờ mở cửa chưa nhiều, chất lượng chưa cao. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện còn hạn chế do cán bộ chưa có trình độ tin học. Đa phần cán bộ thư viện cơ sở tuổi cao, sắp nghỉ hưu và trình độ hạn chế nên việc tin học hóa thư viện ở cơ sở hiện gặp nhiều khó khăn.

Công tác trưng bày của Bảo tàng tỉnh còn sơ sài, cơ sở vật chất hệ thống thư viện của tỉnh nhìn chung còn nhiều khó khăn; trong đó, Thư viện tỉnh được xây dựng từ năm 2001, kết cấu công trình còn tốt nhưng thiết kế chưa phù hợp để phát triển hoạt động thư viện theo hướng hiện đại. Đến nay, toàn tỉnh còn 5,3% xã chưa có nhà văn hóa. Các công trình TDTT cấp huyện còn chưa đảm bảo tiêu chuẩn, cơ bản đều có khán đài đơn giản, riêng thành phố Bắc Giang chưa có sân vận động. Hệ thống cơ sở vật chất thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý còn khó khăn, các sân bóng đá cấp xã có quy cách đơn giản, mặt sân đất, san phẳng diện tích và chất lượng đều rất thấp.

Hệ thống thiết chế văn hóa cấp tỉnh còn những lạc hậu, trong tình trạng xuống cấp. Những thiết chế văn hóa quan trọng của tỉnh như: bảo tàng, thư viện, nhà hát, rạp chiếu phim, trung tâm văn hóa,... thời gian qua tuy được nâng cấp, tôn tạo nhưng chỉ đáp ứng được nhu cầu, nhiệm vụ hiện tại, chưa đảm bảo nhu cầu hưởng thụ văn hóa cũng như phát triển đô thị trong tương lai. Hệ thống thiết chế văn hóa cấp huyện, xã, thôn tỷ lệ không đạt chuẩn còn nhiều.

Công tác quy hoạch đất dành cho văn hóa chưa được quan tâm, nhiều nơi chưa quy hoạch được đất văn hóa; diện tích đất còn chưa đạt chuẩn.

Kết quả quản lý quy hoạch sử dụng đất di tích, danh thắng còn nhiều hạn chế. Nhiều dự án mở rộng di tích chưa thực hiện, đất di tích dần bị co vào vùng lõi. Mục tiêu 10 năm giai đoạn 2011-2020 của toàn tỉnh bổ sung 151,56 ha đất di tích, danh thắng nâng tổng diện tích loại đất này lên 312,56 ha. Đến 2019, diện tích đất di tích danh thắng toàn tỉnh đạt 105,8 ha, giảm so với thời điểm quy hoạch và hoàn thành 33,7% chỉ tiêu.

Các khu cụm công nghiệp chưa có quy hoạch sử dụng đất cho các thiết chế văn hóa (KCN Đình Trám đã sử dụng hết quỹ đất, 05 KCN còn lại còn quỹ đất có thể điều chỉnh quy hoạch để bổ sung cho các thiết chế văn hóa thể thao). Quy hoạch đất dân cư giáp ranh các khu công nghiệp cũng chưa bổ sung đất cho cơ sở văn hóa hoặc chỉ bố trí quy hoạch trên quy mô dân số địa phương chưa tính đến yếu tố gia tăng cơ học.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật biểu diễn ở cơ sở còn gặp nhiều khó khăn do kinh phí hạn chế, không đảm bảo, thiếu cán bộ chuyên trách có thể duy trì và phát triển phong trào.

2.2. Về thể thao

Công tác quy hoạch đất dành cho thể thao còn chưa được quan tâm, nhiều khu vực trống đất thể thao như tại các phường, các khu dân cư tập trung. Đất quy hoạch các khu thể thao tổ dân phố hiện hữu cơ bản chưa đảm bảo, nhiều tổ dân phố chưa có khu thể thao. Đất cơ sở dành cho thể thao đến hết năm 2019 mới đạt 0,13% đất tự nhiên. Diện tích đất dành cho thể thao/người còn thấp, bình quân mới đạt 2,96 m²/người;

Quá trình phát triển đô thị, việc quy hoạch các khu dân cư, quy hoạch đơn vị ở chưa xác định đầy đủ diện tích sân tập luyện, sân chơi. Quá trình triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng, nhiều diện tích đất dùng chung, đất vườn hoa cây xanh, đất tập luyện và sân chơi không được đầu tư và có nguy cơ điều chỉnh mục đích sử dụng đất theo hướng giảm diện tích đất dùng chung, đất thể dục thể thao do đó cũng bị giảm nên quỹ đất sân chơi, sân tập các khu dân cư không được đảm bảo.

Nguồn kinh phí đầu tư thể thao còn hạn chế, công trình thể thao lạc hậu, xuống cấp từ cấp cơ sở lên cấp tỉnh; trang thiết bị, máy móc chưa được đầu tư; thiếu nơi tập luyện phục vụ nhân dân... Nhà thi đấu thể thao tỉnh mới đưa vào hoạt động, song các công trình phụ trợ chưa đồng bộ. Sân bóng đá xuống cấp, chưa đầu tư được sân tại vị trí mới.

Nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; thiếu cán bộ chuyên trách để duy trì và phát triển các hoạt động. Đội ngũ cán bộ hướng dẫn viên, cộng tác viên vừa thiếu, vừa chưa được đào tạo bài bản, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về tổ chức và hướng dẫn các hoạt động thể dục thể thao ở cơ sở. Các cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển thể dục thể thao ở cơ sở còn thiếu và không đồng bộ, các chính sách, quy định hiện hành không còn phù hợp với thực tế phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Vẫn còn xã, phường, thị trấn không có cán bộ chuyên trách thể dục thể thao mà chỉ có cán bộ kiêm nhiệm quản lý, chỉ đạo và điều hành công tác thể dục

thể thao, vừa yếu về chuyên môn, vừa thiếu thời gian do phải kiêm nhiệm quá nhiều việc. Do đó phong trào thể thao phát triển chưa đồng đều giữa thành thị, nông thôn; chất lượng chương trình còn đơn điệu.

Công tác xã hội hóa trong phát triển sự nghiệp thể thao còn hạn chế; chưa phát huy hiệu quả và tiềm năng to lớn từ mọi nguồn lực của xã hội. Cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa hoạt động TDTT bước đầu đã được hình thành nhưng còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa giải quyết được các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên trong và sau thời gian phục vụ cho các đội tuyển.

Thể thao thành tích cao thiếu hụt hệ thống vận động viên tuyển IV - năng khiếu thể thao cơ sở (do trường năng khiếu thể thao giải thể); lực lượng vận động viên xuất sắc mới tập trung vào số ít môn thể thao trọng điểm (cầu lông, cờ vua, điền kinh); lực lượng huấn luyện viên trình độ hạn chế; ứng dụng khoa học công nghệ yếu; việc hoạch định và triển khai thực hiện chiến lược kế hoạch, mục tiêu dài hạn cho sự phát triển thể thao thành tích cao còn dàn trải, thiếu các giải pháp khả thi, công tác ứng dụng khoa học - công nghệ trong đào tạo, huấn luyện tài năng thể thao chưa được áp dụng triệt để, công tác quản lý nhà nước về thể thao thành tích cao chưa theo kịp yêu cầu đổi mới. Việc phân bố lực lượng vận động viên cho thấy còn nhiều bất cập về môn thể thao, lứa tuổi và thâm niên tập luyện. Đặc biệt phân bố theo địa giới huyện, thành phố không cân đối.

Giữa các địa phương, các địa bàn có sự chênh lệch về mức độ phát triển TDTT. Một số vùng nông thôn, quá trình tiếp cận các công trình thể thao còn gặp khó khăn. Một bộ phận dân cư chưa có ý thức tự giác tập luyện thể thao để nâng cao sức khỏe. Chất lượng các giải thể thao quần chúng đã được cải thiện đáng kể, nhưng vẫn còn tồn tại ở một số giải chất lượng còn thấp. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tập luyện TDTT ở một số địa phương vẫn còn chưa cao. Nhận thức của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tuy đã có chuyển biến nhưng cũng còn thấp, nhiều người vẫn còn coi thể dục là môn phụ. Cá biệt vẫn còn có trường học, vì những lý do khác nhau vẫn chưa thực hiện chương trình giảng dạy thể dục, việc tổ chức các hoạt động thể dục ngoại khóa, thi đấu thể thao còn ít, chưa nề nếp, còn tùy tiện, mục đích và yêu cầu giáo dục chưa được đề cao.

Cơ sở vật chất và các điều kiện phục vụ cho hoạt động thể dục, thể thao còn thiếu so với yêu cầu. Diện tích đất dành cho TDTT tuy đã được cải thiện, song thực tế vẫn còn thiếu so với nhu cầu diện tích đất bình quân tính theo đầu người. Trang thiết bị dụng cụ tập luyện vẫn còn thiếu thốn so với nhu cầu, cả về số lượng và chất lượng, bình quân chỉ đạt từ 50 - 60% nhu cầu tập luyện.

Phần II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, THỂ THAO THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

I. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO

1. Dự báo tình hình

Bắc Giang nằm vị trí thuận lợi liền kề các trung tâm kinh tế, du lịch của cả nước như Hà Nội, Quảng Ninh, Lạng Sơn; thời gian tới có thể nằm trong vùng đồng bằng và trung du Bắc bộ; giao thông kết nối thuận lợi với 5 tuyến quốc lộ chạy qua 1A, 17, 279, 31 và 37; tạo điều kiện mở rộng giao lưu văn hóa với các tỉnh trong vùng, cả nước.

Tốc độ phát triển kinh tế nhanh của tỉnh, đời sống người dân ngày càng nâng cao tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển hoạt động văn hóa, thể thao sâu rộng trong nhân dân.

Tỉnh Bắc Giang phần đầu là tỉnh công nghiệp phát triển hiện đại với 26 KCN, trên 50 CCN hình thành gắn liền với gia tăng dân số cơ học và nảy sinh các vấn đề xã hội cần giải quyết. Việc nâng cao chất lượng đời sống văn hoá tinh thần và sức khoẻ người lao động là cơ sở đảm bảo mục tiêu tăng trưởng, phát triển bền vững, tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn.

Xu hướng phát triển đô thị - nông thôn của tỉnh gắn liền với các đề xuất hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng KTXH để đảm bảo các tiêu chí xếp hạng đô thị (thành phố Bắc Giang đô thị loại II; huyện Việt Yên, Hiệp Hòa là thị xã và các đô thị loại IV như Thị trấn Chũ, thị trấn Đồi Ngô, thị trấn Vôi...) yêu cầu tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế VHTT. Bên cạnh đó, mục tiêu 9 huyện về đích nông thôn mới (huyện Sơn Động tiếp cận tiêu chuẩn) đòi hỏi hệ thống thiết chế VHTT cấp xã, cấp thôn phải được hoàn thiện, tối thiểu đáp ứng tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Yêu cầu trong công tác bảo tồn di sản gắn với phát triển du lịch, xác định "du lịch là ngành tiềm năng ưu tiên phát triển" đòi hỏi cùng với việc tăng cường thu hút đầu tư đối với các tài nguyên du lịch tự nhiên (hình thành các sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng), phải quan tâm bảo tồn, tôn tạo, phát huy các tài nguyên du lịch văn hoá (hình thành các sản phẩm du lịch tâm linh, du lịch di sản văn hoá)...

2. Quan điểm phát triển

Phát triển văn hóa, thể thao phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế- xã hội, chiến lược phát triển ngành VHTT của cả nước; phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội của tỉnh; phát triển VHTT gắn liền với mục tiêu công bằng, tiến bộ xã hội trong định hướng phát triển nhanh và bền vững.

Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về vai trò của văn hóa, thể thao. Coi trọng phát triển văn hóa để trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, nền tảng phát triển kinh tế bền vững.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý các lĩnh vực văn hóa, thể thao, nhằm tạo bước chuyển biến, môi trường hoạt động tốt hơn cho các đơn vị, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

Huy động mọi nguồn lực cho phát triển văn hóa, thể thao, đẩy mạnh xã hội hóa văn hóa, thể thao. Kiện toàn củng cố tổ chức bộ máy ngành văn hóa, thể thao, chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tập trung phát triển văn hóa, thể thao với quan điểm nhanh hơn và bền vững hơn. Tập trung tu bổ di tích; nâng cấp, phát huy văn hóa phi vật thể, lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian; gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa với thể thao; tiếp tục củng cố, mở rộng liên kết với du lịch.

3. Mục tiêu phát triển

Phát triển văn hóa, gia đình đảm bảo giữ gìn bản sắc của mảnh đất và con người Bắc Giang; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, gắn với phát triển du lịch bền vững.

Đến năm 2030, có thêm 3-4 di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt, có thêm 6-8 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, có thêm 40-60 di tích xếp hạng cấp tỉnh, có thêm 4-6 di sản phi vật thể được xếp hạng, ghi danh; có 60% tổng số di tích xếp hạng được tu bổ, tôn tạo; 6-8 di sản phi vật thể được bảo tồn, phục hồi

Đến năm 2030, đất cơ sở văn hoá, cơ sở TDTT toàn tỉnh đạt từ đạt 6-7 m2/đầu người. Hệ thống thiết chế VHTT đồng bộ ở cả ba cấp hành chính, trong đó cấp tỉnh hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hoá - Hội chợ - Triển Lãm, nâng cấp Cung Văn hoá Thiếu nhi; 70% KCN có trung tâm VHTT phục vụ công nhân; phát triển thư viện tỉnh thành thư viện khoa học tổng hợp; 100% số trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện đạt chuẩn, 100% số xã có nhà văn hóa, trung tâm văn hóa thể thao đạt chuẩn; 100% số thôn/tổ dân phố có nhà văn hóa đạt chuẩn; 90% số hộ đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”; 75% số làng đạt danh hiệu văn hóa; 90% số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

Phát triển hoạt động thể dục thể thao ngày càng đa dạng, phong phú, bền vững, vừa giữ gìn và phát huy các môn thể thao truyền thống, vừa tiếp thu và phát triển các môn thể thao hiện đại. Đến năm 2030, 40% dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, 23% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao; duy trì 100% số trường học thực hiện giáo dục thể chất nội khoá; 100% tổ chức thể dục thể thao ngoại khoá có nề nếp. Thể thao thành tích cao hàng năm thi đấu từ 60 - 75 giải quốc gia, quốc tế giành 200 - 300 huy chương các loại.

4. Định hướng phát triển

4.1. Lĩnh vực di sản văn hóa

Ưu tiên tu bổ, tôn tạo các di tích đã xếp hạng bị xuống cấp nghiêm trọng, các di tích có giá trị phát triển du lịch. Đối với xếp hạng di tích tập trung hồ sơ nâng cấp di tích quốc gia đặc biệt (Di tích khảo cổ con đường Hoàng Dương phật pháp theo dấu chân Phật Hoàng Trần Nhân Tông, Khu di tích 6 điều Bác Hồ dạy công an Nhân dân gắn với chùa Tứ Giáp, cụm di tích ATK2, đình chùa Thổ Hà, Cụm di tích Tiên Lục, huyện Lạng Giang, Các di tích bác Hồ về thăm).

Hoạt động biểu diễn nghệ thuật: Tăng chỉ tiêu số lượng buổi diễn nghệ thuật, đa dạng các hoạt động nghệ thuật biểu diễn với các quy mô khác nhau như (vở diễn, trích đoạn, chương trình tổng hợp...) phục vụ du lịch. Đồng thời phát triển mảng sân khấu thể nghiệm đối với nghệ thuật biểu diễn truyền thống. Phát triển các hoạt động cung ứng dịch vụ biểu diễn nghệ thuật trong và ngoài tỉnh. Từng bước thực hiện cơ chế tự chủ một phần hoạt động đối với Nhà hát chèo. Tập trung phát triển các trung tâm biểu diễn nghệ thuật tư nhân.

Hoạt động điện ảnh, phát hành phim, chiếu bóng: Tăng cường xúc tiến đầu tư rạp chiếu tư nhân gắn kết với các trung tâm thương mại, các cơ sở giải trí tổng hợp; giảm dần hoạt động và tiến tới giải thể các đội chiếu bóng lưu động miền núi.

Hoạt động Văn học nghệ thuật, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm: Tập trung bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ sáng tác kế cận; chú trọng công tác phát triển hội viên, hình thành các chi hội Mỹ thuật, Nhiếp ảnh ở cơ sở.

Hoạt động thư viện: Đối với Thư viện tỉnh tăng cường cơ sở vật chất, phát triển các hoạt động dịch vụ thư viện. Từng bước thực hiện cơ chế tự chủ một phần đối với Thư viện tỉnh. Đối với hệ thống thư viện huyện, xã: Giữ vững hệ thống hiện có, nâng cao chất lượng hoạt động. Không chủ trương phát triển thêm hệ thống thư viện cấp huyện và cơ sở do hiệu quả hoạt động chưa cao; tập trung phát triển hệ thống thư viện điện tử, thư viện tư nhân. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong phát triển Thư viện, đa dạng hóa các loại sách, báo, tạp chí.

Hoạt động Bảo tàng: Đối với Bảo tàng tỉnh tăng cường số lượng, chất lượng hoạt động trưng bày, từ 3 cuộc/năm tăng lên 7-9 cuộc/năm. Giảm chỉ tiêu và không chủ trương phát triển hệ thống nhà truyền thống cấp huyện. Phát triển các hoạt động dịch vụ ngành Bảo tàng, nhằm từng bước thực hiện cơ chế tự chủ một phần kinh phí hoạt động. Tập trung thu hút đầu tư bảo tàng tư nhân, đến năm 2030 khoảng 3-4 bảo tàng tư nhân.

Hoạt động thông tin tuyên truyền, cổ động: Giảm dần số lượng và tăng chất lượng hoạt động thông tin tuyên truyền, cổ động trực quan.

Tiếp tục thực hiện và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phát triển các phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng qua các lễ hội dân gian, hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ...

Tiếp tục duy trì Trường trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch với quy mô cơ bản như hiện nay.

Hệ thống thiết chế văn hóa: Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp; đầu tư trang thiết bị và nâng cao chất lượng hoạt động. Hoàn thành quy hoạch đất cho công trình VHTT cấp huyện, xã, phường, thị trấn. Đến năm 2030, xây dựng mới Trung tâm Văn hóa – Triển lãm - Điện ảnh tỉnh; xây mới, nâng cấp Trung tâm VHTT cấp huyện, cấp xã, cấp thôn, đảm bảo 100% đạt chuẩn. Tập trung nguồn lực, tạo điều kiện đầu tư tu bổ, tôn tạo các công trình văn hóa, tín ngưỡng trên địa bàn toàn tỉnh.

4.2. Lĩnh vực thể dục, thể thao

Phát triển thể dục thể thao cho mọi người: Tiếp tục phát triển sâu rộng và bền vững thể dục thể thao cho mọi người, chú trọng phát triển thể dục thể thao ở vùng miền núi, các dân tộc thiểu số; kết hợp chặt chẽ phát triển thể dục thể thao quần chúng trong thiết chế văn hóa thể thao, với xây dựng nông thôn mới và lễ hội truyền thống; khuyến khích khai thác, phát triển các môn thể thao dân tộc. Đối với trường học tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học, phát triển các môn thể dục ngoại khóa như bóng chuyền, bóng bàn, võ thuật, điền kinh, bóng đá, cầu lông, cờ vua, đá cầu, bơi lội. Xây dựng và triển khai đề án xoá mù bơi trong trường học, phòng chống tai nạn đuối nước, trước mắt triển khai ở vùng sông nước.

Phát triển thể thao thành tích cao: Tập trung phát triển 15 môn thể thao trọng điểm của tỉnh:

Nhóm 1: 1/Vật tự do, cổ điển; 2/Cầu lông; 3/Điền kinh: Là những môn thể thao thế mạnh của tỉnh, có phong trào phát triển rộng trên toàn tỉnh, có thành tích cao tại các giải trong nước và quốc tế. Môn thể thao Olympic.

Nhóm 2: 1/Đá cầu; 2/Cờ vua; 3/Cầu mây; 4/Wushu: Là những môn thể thao thế mạnh của tỉnh, có VĐV đạt thành tích tại các giải vô địch quốc gia và quốc tế. Môn thể thao nằm trong Đại hội thể thao Châu Á.

Nhóm 3: 1/Boxing; 2/Judo; 3/Quần vợt; 4/Vovinam; 5/Bóng đá; 6/Bóng chuyền; 7/Bóng bàn; 8/Thể dục dụng cụ. Là những môn thể thao mới được đưa vào để đào tạo và phát triển trên địa bàn tỉnh, mới có VĐV đạt huy chương tại các giải trẻ quốc gia.

Tăng cường tổ chức cho các vận động viên tham gia thi đấu các giải vô địch trẻ, vô địch quốc gia, giải quốc tế. Quy hoạch và đầu tư các lớp năng khiếu thể thao cơ sở, câu lạc bộ thể thao tập trung chủ yếu trong các nhà trường.

Tiếp tục hoàn thiện Nhà thi đấu thể thao Bắc Giang; điều chỉnh vị trí quy hoạch khu liên hợp thể thao tỉnh về khu vực phía Nam thành phố Bắc Giang. Hoàn thành quy hoạch đất cho thể thao, đảm bảo đến năm 2030 100% xã, phường, thị trấn có Trung tâm VHTT đạt chuẩn; 100% thôn, bản có khu TDTT.

Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, y học thể thao phục vụ tuyển chọn, đào tạo vận động viên và tập luyện thể dục, thể thao; tăng cường hợp tác khu vực, quốc tế về thể dục thể thao.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa thể dục, thể thao, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động các liên đoàn, hiệp hội thể thao.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO

1. Dự báo các yếu tố tác động phát triển văn hóa, thể thao

Kinh tế của Tỉnh có tốc độ tăng trưởng nhanh, tiềm lực kinh tế ngày càng được nâng lên, đời sống nhân dân được cải thiện kéo theo nhu cầu nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, nhu cầu về phát triển thể chất, rèn luyện thân thể, tập luyện một số bộ môn thể thao thành tích cao sẽ gia tăng.

Ảnh hưởng biến đổi khí hậu, theo thời gian nhiều công trình, di tích lịch sử văn hóa có giá trị xuống cấp; yêu cầu của công tác bảo tồn phát huy giá trị các di tích đòi hỏi phải có sự quan tâm đầu tư kịp thời.

2. Quan điểm phát triển

Tập trung đầu tư tu bổ, tôn tạo phát huy các di tích lịch sử theo thứ tự ưu tiên di tích lịch sử quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử quốc gia, cấp tỉnh.

Huy động nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, thể thao tăng theo mức tăng trưởng kinh tế của tỉnh, bảo đảm các điều kiện phát triển với mục tiêu nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả hoạt động. Các thiết chế văn hóa, thể thao được xây dựng mang tính tổng hợp, đáp ứng các tiêu chuẩn nghề nghiệp; ngang tầm với các tỉnh trong vùng đồng bằng và trung du bắc bộ.

3. Các tiêu chuẩn, quy định áp dụng

- Hệ thống thiết chế VHTT toàn tỉnh được quy hoạch, đầu tư xây dựng trên cơ sở áp dụng định mức sử dụng đất, danh mục công trình cơ sở văn hóa, cơ sở TDTT ban hành tại Thông tư 01/2017/TT-BTNMT, ngày 09/02/2017 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường.

- Đối với công trình thể thao các cấp, số lượng công trình tuân thủ theo yêu cầu phát triển hệ thống TDTT quần chúng quy định tại Khoản 3, Điều 4, Nghị định 112/2007/NĐ-CP, ngày 26/6/2007 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật TDTT.

- Tiêu chuẩn thiết kế Nhà thể thao theo TCVN 4529:2012;

- Tiêu chuẩn thiết kế sân thể thao theo TCVN 4205:2012;

- Công tác quy hoạch, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo Luật Di sản;

- Hệ thống thống kê du lịch theo các văn bản QPPL hiện hành.

4. Mục tiêu phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

4.1. Về bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa có giá trị trên địa bàn tỉnh

Đến năm 2030, đầu tư trùng tu, tôn tạo, lập hồ sơ công nhận thêm 6 di tích được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, 08-12 di tích xếp hạng quốc gia; 60-85 di tích xếp hạng cấp tỉnh; 60% di tích xếp hạng được tu bổ, tôn tạo.

4.2. Về phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Đầu tư xây dựng phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu của tỉnh đạt các tiêu chí quy định, đáp ứng yêu cầu về hoạt động chuyên môn, góp phần vào việc phát triển kết cấu hạ tầng xã hội ở khu vực đô thị và khu vực nông thôn. Đến năm 2030, các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh đảm bảo về quy mô, chất lượng phục vụ các sự kiện văn hóa, thể thao lớn của tỉnh và sự kiện, giải đấu quy mô quốc gia và quốc tế; 70% các KCN có thiết chế văn hóa, thể thao.

5. Quy hoạch phát triển mạng lưới

5.1. Bảo tồn di sản văn hóa

5.1.1. Quy hoạch bảo tồn, tu bổ tôn tạo phát huy giá trị các di tích

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 783 di tích được xếp hạng, trong đó: 10 di tích quốc gia đặc biệt, 109 di tích cấp quốc gia, 664 di tích cấp tỉnh được xếp hạng. Cụ thể:

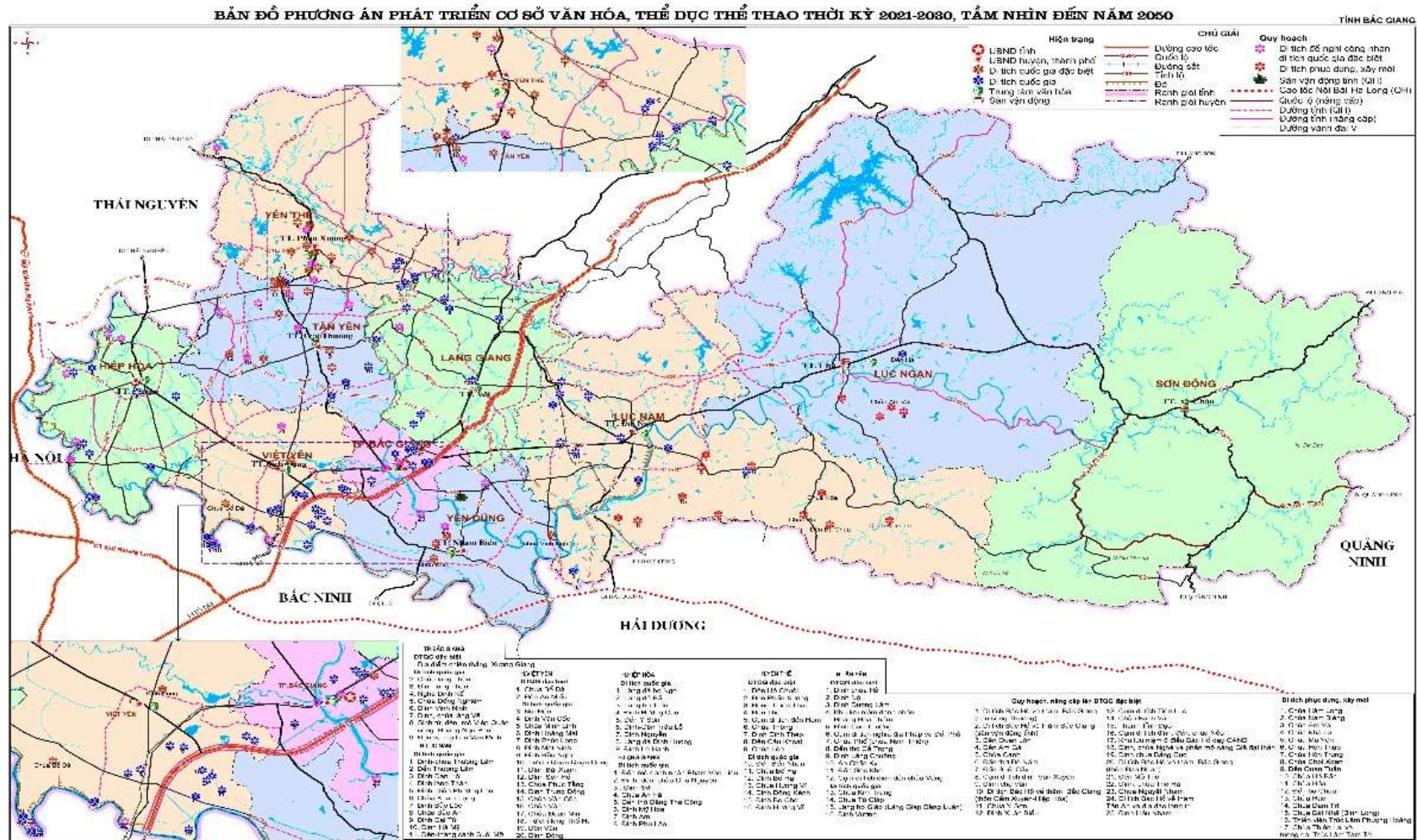
- Di tích quốc gia đặc biệt: Quy hoạch mở rộng, trùng tu, tu bổ, tôn tạo phát huy giá trị 10 di tích quốc gia đặc biệt, trong đó quy hoạch, đầu tư tu bổ, tôn tạo 4 di tích đã được công nhận: (1) Địa điểm chiến thắng Xương Giang, (2) Chùa Bồ Đà, (3) Chùa Vĩnh Nghiêm, (4) Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế. Lập quy hoạch bảo tồn 06 di tích dự kiến đề nghị công nhận đến năm 2030 và sau năm 2030: (1) Cụm di tích Tiên Lục (Cây Dã Hương, Đình Viễn Sơn, Chùa Quang Phúc, Đền Tiên Lục, Đình Thuận Hòa), (2) Khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân, (3) ATK II Hiệp Hòa, (4) Đình, chùa Thổ Hà, (5) Các Di tích bác Hồ về thăm Bắc Giang, (6) Các di tích theo con đường bộ hành, hoàng dương phật pháp của Phật hoàng Trần Nhân Tông.

- Di tích quốc gia: Quy hoạch mở rộng, trùng tu, tu bổ, tôn tạo 109 di tích, trong đó 101 di tích đã được công nhận; 08 di tích dự kiến đề nghị công nhận đến năm 2030 và sau năm 2030: (1) Đình Xuân Lan (Bố Hạ, Yên Thế); (2) Cụm di tích đình, đền chùa Phú Khê (Quê Nham, Tân Yên); (3) Đình Bùi (Cao Thượng, Tân Yên); (4) Đình Thượng Lát (Tiên Sơn, Việt Yên); (5) Lăng Nội Dinh (Mai Trung, Hiệp Hoà); (6) Đình Chấn (Yên Sơn, Lục Nam); (7) Đình Trưng Hà (Đào Mỹ, Lạng Giang); (8) Đình Phi Mô (Thị trấn Vôi, Lạng Giang).

- Di tích cấp tỉnh: Quy hoạch mở rộng, trùng tu, tu bổ, tôn tạo 664 di tích, trong đó: 604 di tích đã được công nhận; 60 di tích dự kiến công nhận đến năm 2030.

- Tổng nhu cầu đất mở rộng, trùng tu, tu bổ, tôn tạo phát huy giá trị các di tích trong giai đoạn năm 2021- 2030 là 337,884 ha, trong đó: mở rộng các di tích quốc gia đặc biệt đã được công nhận 93,525 ha; mở rộng các di tích đề nghị công nhận di tích quốc gia đặc biệt 209,295 ha; mở rộng di tích cấp tỉnh 35,016 ha.

Hình 4: Quy hoạch cơ sở văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050



Bảng 17: Quy hoạch tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị di tích giai đoạn 2021- 2030

stt	Danh mục	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích hiện có (ha)	Nhu cầu mở rộng đến năm 2030 (ha)	
	Tổng số		417,19	79,36	337,84	
I	DTLS QUỐC GIA ĐẶC BIỆT ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN		138,927	45,401	93,526	
1	Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế		53,307	29,462	23,845	
	Huyện yên Thế					
1.1	Quần thể di tích Đền Thờ	Thị trấn Phồn Xương	12,094	5,355	6,739	
1.2	Đền Phồn Xương					
1.3	Chùa Lèo	Thị trấn Phồn Xương	0,860	0,860	0.000	Không mở rộng đất
1.4	Cụm di tích đền Hồ Chuối	Thị trấn Phồn Xương- Yên Thế	10,200	10,200	0.000	Không mở rộng đất
1.5	Cụm di tích đền Hom	Xã Tam Hiệp- Yên Thế	3,239	1,344	1,895	
1.6	Chùa Thông	Xã Đồng Lạc- Yên Thế	0,262	0,188	0,074	
1.7	Đình Đình Thép	Xã Tân Hiệp- Yên Thế	1,537	0,505	1,032	
1.8	Đền Cầu Khoai	Xã Tam Hiệp- Yên Thế	0,331	0,167	0,164	
1.9	Động Thiên Thai	Xã Hồng Kỳ- Yên Thế	1,728	1,191	0,537	
1.10	Cụm di tích đình, Chùa Hả	Xã Tân Trung- Yên Thế	3,464	3,194	0,270	
1.11	Đình Nội	Xã Việt Lập- Yên Thế	0,732	0,121	0,611	
1.12	Đình Dương Lâm	Xã An Dương- Yên Thế	0,889	0,095	0,793	

stt	Danh mục	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích hiện có (ha)	Nhu cầu mở rộng đến năm 2030 (ha)	
1.13	Cụm di tích đình, Đền, Chùa Vòng	Xã Song Vân-Tân yên- Yên Thế	8,380	1,447	6,933	
1.14	Khu lưu niệm danh nhân Hoàng Hoa Thám	Xã Ngọc Châu Tân yên- Yên Thế	2,760	0,399	2,362	
1.15	Đình Cao Thượng	Xã Cao Thượng- Tân yên	0,410	0,101	0,309	
1.16	Cụm di tích Nghĩa địa Pháp & Đồi Phủ	Nhã Nam-Yên Thế- Yên Thế	0,916	0,814	0,102	
1.17	Chùa Phố	Nhã Nam-Yên Thế	0,176	0,107	0,068	
1.18	Đền Thờ Cả Trọng	Nhã Nam-Yên Thế	0,117	0,055	0,062	
1.19	Đình làng Chuông	Nhã Nam-Yên Thế	0,140	0,140	0,000	Không mở rộng đất
1.20	Ao Chấn Ký	Nhã Nam-Yên Thế	0,074	0,050	0,024	
1.21	Đền Góc Khê	Nhã Nam-Yên Thế	0,051	0,051	0,000	Không mở rộng đất
1.22	Chùa Kem	Xã Nham Sơn- Yên Dũng	2,9	1,468	1,432	
1.23	Đình Đông	TT. Bích Động- Việt yên	2,048	1,610	0,438	
2	Chùa Vĩnh Nghiêm	Xã Trí Yên, huyện Yên Dũng	39,999	7,839	32,161	
3	Chùa Bồ Đà	Xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên	44,120	6,800	37,320	
4	Địa điểm chiến thắng Xương Giang (di tích đền Thành)	P.Xương Giang, TP. Bắc Giang	1,500	1,300	0,200	

stt	Danh mục	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích hiện có (ha)	Nhu cầu mở rộng đến năm 2030 (ha)	
II	CÁC DI TÍCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DTLs QUỐC GIA ĐẶC BIỆT		223,00	13,702	209,295	
1	Cụm di tích Tiên Lục (Cây dã hương, đình Viễn Sơn, Chùa Quang Phúc, đền Tiên Lục, Đình Thuận Hòa)	Xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang	5,500	1,537	3,963	
2	Khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân	TT. Nhã Nam, H.Tân Yên	6,704	3,504	3,200	
3	ATK II Hiệp Hòa		68,458	3,441	65,017	
3.1	Chùa Y Sơn	Xã Hòa Sơn	66,563	1,546	65,017	
3.2	Đình Xuân Biều	Xã Xuân Cẩm	0,436	0,436		Không mở rộng được đất
3.3	Đình Vân Xuyên	Xã Hoàng Vân	0,248	0,248		Không mở rộng được đất
3.4	Nhà ông Ngô Văn Thấu	Xã Hoàng Vân	0,006	0,006		Không mở rộng được đất
3.5	Nhà ông Ngô Văn Đông	Xã Hoàng Vân	0,197	0,197		Không mở rộng được đất
3.6	Đền Soi	Xã Hoàng Vân	0,071	0,071		Không mở rộng được đất
3.7	Đình Chợ Vân	Xã Hoàng An	0,887	0,887		Không mở rộng được đất
3.8	Nhà ông Nguyễn văn Ché		0,051	0,051		Không mở rộng được đất
4	Đình, chùa Thổ Hà	Xã Vân Hà, huyện Việt Yên	1,938	1,938		Không mở rộng được đất

stt	Danh mục	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích hiện có (ha)	Nhu cầu mở rộng đến năm 2030 (ha)	
5	Các di tích theo con đường bộ hành thiên phái Trúc Lâm Yên Tử		139,988	2,873	137,115	
5.1	Chùa Am Vãi	Xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	12,300	2,600	9,700	
5.2	Chùa Hàm Long	Xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	4,900	0,273	4,727	
5.3	Chùa Nam Biêng	Xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	4,800		4,800	
5.4	Chùa Đám Trì	Xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	4,700		4,700	
5.5	Chùa Mã Yên	Xã Cẩm Lý, H Lục Nam	4,800		4,800	
5.6	Chùa Hòn Tháp	huyện Lục Nam	4,900		4,900	
5.7	Chùa Chòi Xoan	huyện Lục Nam	5,000		5,000	
5.8	Chùa Bình Long (Bát Nhã)	Xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam	67,4		67,4	
5.9	Chùa Hòn Trứng	Xã Nghĩa Phương, H Lục Nam	4,700		4,700	
5.10	Chùa Hồ Bắc	Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	4,900		4,900	
5.11	Đền Quan Tuần	Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	4,800		4,800	
5.12	Chùa Hóa	Xã Vô Tranh- Lục Nam	4,000		4,000	
5.13	Chùa Rào	Xã Vô Tranh- Lục Nam	4,000		4,000	

stt	Danh mục	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích hiện có (ha)	Nhu cầu mở rộng đến năm 2030 (ha)	
5.14	Đền Bà Chúa	Xã Trường Sơn- Lục Nam	4,000		4,000	
5.15	Chùa Khả Lã	Xã Tân Lập	4,700		4,700	
6	Di tích 05 lần Bác Hồ về thăm Bắc Giang		0,409	0,409		Không mở rộng đất
6.1	Bác Hồ về thăm Tân An + địa đạo long trì huyện yên Dũng	Huyện Yên Dũng	0,013	0,013		„
6.2	Bác Hồ về thăm thôn Cẩm Xuyên, xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa	Xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa	0,151	0,151		„
6.3	Khán đài A(cũ) nay là khán đài B, sân vận động tỉnh	TP Bắc Giang	0,140	0,140		„
6.4	Cầu sông Thương	TP Bắc Giang	0,085	0,085		„
6.5	Bác Hồ về thăm thôn Đạo Ngạn 2 và Nhà thờ Đạo Ngạn, xã Quang Châu, huyện Việt Yên	xã Quang Châu, huyện Việt Yên	0,020	0,020		„
III	DI TÍCH CẤP TỈNH		55,268	20,252	35,016	
1	Chùa Thiên Lai	TT Neo- Yên Dũng	25,000	0,388	24,612	
2	Đền Am Gà	Xã Phồn Xương- Yên Thế	0,152	0,132	0,020	
3	Chùa Cảnh	Xã Phồn Xương- Yên Thế	0,213	0,140	0,074	
4	Đền Quan Lớn	Xã Tam Hiệp- Yên Thế	0,072	0,065	0,007	
5	Đền Suối Cây	Xã Đồng Kỳ- Yên Thế	0,128	0,081	0,047	

stt	Danh mục	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích hiện có (ha)	Nhu cầu mở rộng đến năm 2030 (ha)	
6	Đình, Chùa Bằng Cục	Xã Ngọc Châu- Tân Yên	0,892	0,592	0,300	
7	Chùa Bạch Vân	Xã Phúc Hòa- Tân Yên	1,363	0,700	0,663	
8	Thành Tinh Đạo	Xã Quang Tiến- Tân Yên	18,100	12,416	5,684	
9	Đình Liễu Nham	Xã Tân Liễu- Yên Dũng	0,145	0,105	0,039	
10	Cụm di tích đền Mỏ Thổ	Xã Minh Đức- Việt Yên	7,500	4,625	2,876	
11	Cụm di tích đình, Đền, Chùa Nẻo	Xã Liên Sơn- Tân Yên	0,760	0,556	0,204	
12	Đền Thờ Đè Nấm	Xã Xuân Lương- Yên Thế	0,076	0,009	0,067	
13	Cụm di tích Đình, Chùa, Nghè và phần mộ nàng Giã đại thần	Xã Phúc Sơn- Tân Yên	0,530	0,121	0,409	
14	Chùa Nguyệt Nham	Xã Tân Liễu - Yên Dũng	0,336	0,322	0,014	

5.1.2. Quy hoạch khảo cổ học

Nghiên cứu khảo cổ 19 địa điểm di tích, trong đó tập trung xác định các giá trị và định hình con đường bộ hành Tây Yên Tử gắn với quá trình Hoằng dương Phật pháp Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử làm cơ sở khoa học cho công tác xúc tiến đầu tư phục dựng di tích và phát triển du lịch.

Bảng 18: Quy hoạch khảo cổ giai đoạn năm 2021-2030

TT	Địa điểm khảo cổ học	Diện tích (m ²)
1	Đền Cầu Từ, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn	250
2	Chùa Cao, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam	150
3	Di chỉ khảo cổ học Đông Lâm, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa	200
4	Thành nhà Mạc, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam	500

TT	Địa điểm khảo cổ học	Diện tích (m ²)
5	Thành nhà Mạc, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	500
6	Địa điểm chiến thắng Xương Giang, p. Xương Giang, TP Bắc Giang	300
7	Chùa Thông, xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế	200
8	Đồn Hồ Chuối, xã Phồn Xương, huyện Yên Thế	200
9	Đồn Phồn Xương, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế	250
10	Đồn Khám Nghè, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	200
11	Chùa Hồ Bắc, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	500
12	Chùa Am Vãi, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	300
13	Chùa Hàm Long, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	300
14	Chùa Nam Biêng, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	250
15	Chùa Đám Trì, Xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	200
16	Chùa Hòn Tháp, Xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	300
17	Chùa Bình Long (Bát Nhã), Xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam	350
18	Chùa Hòn Trúng, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	300
19	Chùa Khả Lã, Xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn	300
	Tổng	5.550

5.1.3. Quy hoạch hệ thống tượng đài

Xây dựng mới 12 tượng đài và tranh hoành tráng có nội dung tư tưởng sâu sắc, phản ánh truyền thống lịch sử - văn hóa, đấu tranh bảo vệ tổ quốc và về các danh nhân, anh hùng dân tộc như: Trúc Lâm Tam Tổ, Thân Nhân Trung, Lương Văn Năm (Đề Năm), Trần Nhân Tông, Phạm Đình Liêu, Đào Sư Tích, Thân Công Tài, Thân Cảnh Phúc, Chiến Thắng Cầu Lò, Chiến thắng của quân dân xã Tuấn Đạo, Thanh niên xung phong Đèo Cà, vườn tượng Bắc Giang gắn với các địa điểm lịch sử, khu du lịch, công viên.

Bảng 19: Quy hoạch tượng đài giai đoạn 2021-2030

TT	Danh mục	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Nhu mở rộng đến năm 2030 (ha)	
	Tổng diện tích		7		7	
1	Vườn tượng Bắc Giang	Công viên Hoàng Hoa Thám, thành phố Bắc Giang				Sử dụng đất hiện có của công viên

TT	Danh mục	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Nhu mở rộng đến năm 2030 (ha)	
2	Tượng đài Trúc Lâm Tam Tổ	Đình Non Vua, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng				Đất mở rộng chùa Thiên Lai
3	Tượng đài Thân Nhân Trung	Đền thờ Thân Nhân Trung, thôn Yên Ninh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên				Sử dụng đất của Đền
4	Tượng đài Lương Văn Năm (Đề Năm)	Quảng trường Lương Văn Năm, huyện Tân Yên				Sử dụng đất Quảng trường huyện
5	Tượng đài Trần Nhân Tông	Thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động				Nằm trong công viên thị trấn Tây Yên Tử
6	Tượng đài Phạm Đình Liêu	Xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang	0.8		0.8	
7	Tượng đài Đào Sư Tích	Xã Song Khê, thành phố Bắc Giang	0.8		0.8	
8	Tượng đài Thân Công Tài	Đền Như Thiết, thôn Như Thiết, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	0.8		0.8	
9	Tượng đài Chiến thắng Cầu Lồ	Đồn boongke Cầu Lồ cũ, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam	1		1	
10	Tượng đài Thân Cảnh Phúc	Xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn	0.8		0.8	
11	Tượng đài chiến thắng quân và dân xã Tuấn Đạo bắt sống toàn biệt kích Mỹ năm 1964	Xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	0.8		0.8	
12	Tượng đài Thanh niên	Thôn Đèo Cà, xã Đồng Hưu	2		2	

TT	Danh mục	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Nhu mở rộng đến năm 2030 (ha)	
	xung phong Đèo Cà					

Ngoài ra nâng cấp 08 tượng đài: Tượng đài Ngô Sĩ Liên tại Trường PTTH Ngô Sĩ Liên, TP Bắc Giang; Tượng đài Chiến thắng máy bay thứ 1.300 bị bắn rơi tại thôn Khả Lý Hạ, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên; Tranh gếp gốm màu truyền thống ATK II tại xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa; Tượng đài Chiến thắng Kép tại Kép, huyện Lạng Giang; Tượng đài Nguyễn Khắc Nhu tại Trường THCS Nguyễn Khắc Nhu, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang; Tượng đài Chiến thắng tại xã Dương Hưu, huyện Sơn Động; Phù điêu kỷ niệm chiến thắng phòng không không quân Phố Giỏ, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang; Tượng đài nữ dân quân ôm lúa (tượng Bà Thao) tại xã Quang Minh, huyện Việt Yên.

5.2. Thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh

- Duy trì các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh hiện có gồm: Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh, Nhà hát Chèo, Nhà Văn hóa lao động, Cung Văn hóa thiếu nhi, Nhà thi đấu thể thao tỉnh (khu đô thị phía Nam), Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao (đường Nghĩa Long).

- Quy hoạch mới các thiết chế văn hóa, thể thao: Sân vận động tỉnh; Khu tập luyện, thi đấu thể thao dưới nước; Trung tâm Văn hóa - Hội chợ - Triển lãm tỉnh; Trung tâm Hoạt động thiếu nhi; các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ công nhân tại các KCN Quang Châu, Đình Trám và Vân Trung (thu hút đầu tư).

Bảng 20: Quy hoạch phát triển thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

T T	Danh mục	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Nhu cần mở rộng thêm đến năm 2030 (ha)	
	Tổng diện tích		28,4		28,4	
1	Sân vận động tỉnh	Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng	25		25	
2	Trung tâm Văn hóa-Hội chợ-Triển Lãm tỉnh	Đô thị phía Nam, Thành phố Bắc Giang	3	0	3	

T T	Danh mục	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Nhu cần mở rộng thêm đến năm 2030 (ha)	
3	Rạp nghệ thuật truyền thống	Nhà hát Chèo tỉnh, P. Xương Giang, TP. Bắc Giang	0,4		0,4	

6. Nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao

Tổng diện tích đất quy hoạch lĩnh vực văn hóa, thể thao đến năm 2030 là 2.523,32 ha, trong đó: đất của các cơ sở, đơn vị hiện có 848,32 ha; quy hoạch mở rộng mới là 1.675 ha. Cụ thể:

6.1. Cấp tỉnh quản lý

Tổng nhu cầu sử dụng đất phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao cấp tỉnh quản lý mở rộng khoảng 373,24 ha, trong đó: nhu cầu đất cho cho tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích lịch sử quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cấp quốc gia, di tích cấp tỉnh khoảng 337,84 ha; xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh là khoảng 28,4 ha; nhu cầu đất để xây dựng tượng đài khoảng 07 ha.

6.2. Cấp huyện, xã quản lý

Tổng nhu cầu sử dụng đất phát triển lĩnh vực văn hóa thể thao cấp huyện quản lý mở rộng khoảng 1.301,78 ha, gồm có: đất văn hóa 301,54 ha, đất thể thao 1.354 ha.

7. Nhu cầu vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư lĩnh vực văn hóa, thể thao cấp tỉnh quản lý đến năm 2030 là 3.918 tỷ đồng (gồm: 2.190 tỷ đồng vốn ngân sách Nhà nước, nguồn thu hút đầu tư và xã hội hóa 1.728 tỷ đồng). Trong đó: đầu tư 2.094 tỷ đồng để trùng tu, tôn tạo di tích; 1.624 tỷ đồng đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao; 200 tỷ đồng đầu tư xây dựng tượng đài. Cụ thể:

7.1. Nhu cầu kinh phí trùng tu tôn tạo di tích

Trong giai đoạn 2021-2030 nhu cầu trùng tu, tôn tạo các di tích do cấp tỉnh quản lý là 2.094 tỷ đồng, trong đó: vốn ngân sách Nhà nước 474 tỷ đồng; vốn thu hút đầu tư, XHH 1.620 tỷ đồng.

Bảng 21: Nhu cầu đầu tư tôn tạo các di tích do cấp tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô dự kiến	Tổng nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí	
					Vốn nhà nước (tỷ đồng)	Vốn thu hút đầu tư, XHH (tỷ đồng)
	Tổng số			2.094	474	1.620
I	DTLS QUỐC GIA ĐẶC BIỆT ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN			464	324	140
1	Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế			124	94	30
2	Chùa Vĩnh Nghiêm	Xã Trí yên, H. Yên Dũng		150	100	50
3	Chùa Bồ Đà	Xã Tiên Sơn, H. Việt Yên		140	100	40
4	Địa điểm chiến thắng Xương Giang (di tích đền Thành)	P. Xương Giang, TP. Bắc Giang		50	30	20
II	CÁC DI TÍCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DTLS QUỐC GIA ĐẶC BIỆT			1.430	150	1.280
1	Khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân	TT. Nhã Nam, H. Tân Yên		70	70	
2	ATK II - Hiệp Hòa			80	80	
-	Chùa Y Sơn	Xã Hòa Sơn, H. Hiệp Hòa		80	80	
3	Các di tích theo con đường bộ hành của Phật hoàng Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử			1280		1280
3.1	Chùa Am Vãi	Xã Nam Dương, H. Lục Ngạn		100		100
3.2	Chùa Hàm Long	Xã Nam Dương, H. Lục Ngạn		60		60
3.3	Chùa Nam Biêng	Xã Nam Dương, H. Lục Ngạn		60		60
3.4	Chùa Đám Trì	Xã Lục Sơn, H. Lục Nam		60		60

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô dự kiến	Tổng nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí	
					Vốn nhà nước (tỷ đồng)	Vốn thu hút đầu tư, XHH (tỷ đồng)
3.5	Chùa Mã Yên	Xã Cẩm Lý, H Lục Nam		50		50
3.6	Chùa Hòn Tháp	Xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam		50		50
3.7	Chùa Chòi Xoan	Xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam		50		50
3.8	Chùa Bình Long (Bát Nhã)	Xã Huyền Sơn, H. Lục Nam		500		500
3.9	Chùa Hòn Trứng	Xã Nghĩa Phương, H. Lục Nam		50		50
3.10	Chùa Hồ Bắc	Xã Nghĩa Phương, H. Lục Nam		50		50
3.11	Đền Quan Tuần	Xã Nghĩa Phương, H. Lục Nam		50		50
3.12	Chùa Hóa	Xã Vô Tranh, H. Lục Nam		50		50
3.13	Chùa Rào	Xã Vô Tranh, H. Lục Nam		50		50
3.14	Đền Bà Chúa	Xã Trường Sơn, H. Lục Nam		50		50
3.15	Chùa Khả Lã	Xã Tân Lập, H. Lục Ngạn		50		50
III	DI TÍCH CẤP TỈNH			200		200
1	Chùa Thiên Lai	TT Neo, H. Yên Dũng		100		100
2	Các di tích cấp tỉnh khác			100		100

7.2. Nhu cầu đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao

Giai đoạn 2021-2030 nhu cầu vốn ngân sách nhà nước đầu tư để ưu tiên đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh là 1.624 tỷ đồng (đầu tư sân vận động tỉnh; Trung tâm Văn hóa - Hội chợ - Triển Lãm; trung tâm hoạt động thiếu nhi tỉnh...).

Bảng 22: Danh mục các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2030

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm	Nội dung, quy mô đầu tư	TMDT (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số			1.624		
1	Cải tạo Nhà thi đấu cũ (số 01, đường Nghĩa Long, TP Bắc Giang)	TP Bắc Giang	Cải tạo, sửa chữa	7	2021-2025	Đầu tư công
2	Thiết chế đa chức năng (Trung tâm văn hóa, rạp hát, trung tâm triển lãm)	TP Bắc Giang	Hội trường trung tâm với quy mô 1.000 chỗ ngồi, diện tích mặt bằng xây dựng khoảng 3ha	400	2021-2025	Đầu tư công
3	Cải tạo Nhà văn hóa Thiếu nhi tỉnh Bắc Giang	TP Bắc Giang	Phục vụ vui chơi và sinh hoạt cho trên 3.500 lượt thiếu nhi/năm	15	2021-2025	Đầu tư công
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu di tích Đồi Văn hóa kháng chiến, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên	Huyện Tân Yên	Cải tạo HTKT khu lõi di tích, xây dựng HTKT mới, quy mô 9,58ha	102	2021-2025	Đầu tư công
5	Sân vận động tỉnh	Hương Gián, Yên Dũng	Quy mô 40.000 chỗ	1.000	2026-2030	Đầu tư công
6	Bể bơi trong nhà	Khu nhà thi đấu thể thao tỉnh	Bể bơi 4 mùa	100	2026-2030	Đầu tư công

7.3. Nhu cầu đầu tư trọng đại

Từ năm 2021-2030, đầu tư xây dựng 12 trọng đại với tổng kinh phí 200 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước 92 tỷ đồng, vốn thu hút đầu tư, XHH là 108 tỷ đồng.

Bảng 23: Nhu cầu đầu tư xây dựng tượng đài trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn năm 2021-2030.

stt	Danh mục	Địa điểm	Tổng nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí	
				Vốn nhà nước (tỷ đồng)	Vốn thu hút đầu tư, XHH (tỷ đồng)
	Tổng kinh phí		200	92	108
1	Vườn tượng Bắc Giang	Công viên Hoàng Hoa Thám, thành phố Bắc Giang	20	10	10
2	Tượng đài Trúc Lâm Tam Tổ	Đình Non Vua, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng	25		25
3	Tượng đài Thân Nhân Trung	Đền thờ Thân Nhân Trung, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	15	8	7
4	Tượng đài Lương Văn Năm (Đề Năm)	Quảng trường Lương Văn Năm, huyện Tân Yên	15	8	7
5	Tượng đài Trần Nhân Tông	Thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động	20	10	10
6	Tượng đài Phạm Đình Liêu	Xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang	15	8	7
7	Tượng đài Đào Sư Tích	Xã Song Khê, thành phố Bắc Giang	15	8	7
8	Tượng đài Thân Công Tài	Đền Như Thiết, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	15	8	7
9	Tượng đài Chiến thắng Cầu Lồ	Đồn boongke Cầu Lồ cũ, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam	15	8	7
10	Tượng đài Thân Cảnh Phúc	Xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn	15	8	7
11	Tượng đài chiến thắng quân và dân xã Tuấn Đạo bắt sống toàn biệt kích Mỹ năm 1964	Xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	15	8	7
12	Tượng đài Thanh niên xung phong Đèo Cà	Thôn Đèo Cà, xã Đồng Hưu	15	8	7

III. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu

Phát triển văn hóa, thể thao theo hướng tạo ra bản sắc của mảnh đất và con người Bắc Giang, tạo dấu ấn riêng và góp phần vào sự phát triển ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn, sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế, khẳng định vị trí và thương hiệu Bắc Giang với cả nước và quốc tế;

nâng cao hơn nữa hiệu quả và hiệu lực công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao, xây dựng các sản phẩm, cá nhân và cộng đồng dân cư mang bản sắc của vùng đất và con người Bắc Giang trong tiến trình đổi mới.

Củng cố và tăng cường hệ thống thiết chế chính mang tầm vóc và dấu ấn của Bắc Giang, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, gắn với phát triển du lịch bền vững, nâng mức hưởng thụ văn hóa của người dân, nhất là vùng núi, đồng bào dân tộc, bảo tồn và phát huy loại hình nghệ thuật truyền thống quan họ trong đời sống hiện đại, tổ chức được một số sự kiện và hoạt động văn hóa mang tầm quốc gia và quốc tế, phát triển văn hóa đọc nhằm nâng cao dân trí, tăng cường trao đổi văn hóa nghệ thuật với các tỉnh trong cả nước, với bạn bè quốc tế.

Tiếp tục duy trì và củng cố chất lượng thể thao cho mọi người như là nền tảng để phát triển thể thao thành tích cao. Nâng cao chất lượng các môn thể thao vốn là thế mạnh của Bắc Giang, mở rộng phạm vi huấn luyện, đào tạo các môn thể thao thể vận hội; phát triển các mô hình CLB thể thao chuyên nghiệp.

2. Phương hướng

Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước, đẩy mạnh chất lượng và khả năng điều hành, tổ chức văn hóa, thể thao, nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ công. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở các lĩnh vực; đẩy mạnh cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin.

Tiếp tục củng cố, phát triển các thiết chế văn hóa và thể thao ngày một tốt hơn để đáp ứng tốt nhu cầu nâng cao đời sống tinh thần, rèn luyện thể chất của nhân dân.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa văn hóa, thể thao và du lịch, thu hút các nguồn đầu tư, nâng mức đầu tư cho văn hóa, thể thao.

Tăng cường hơn nữa các giao lưu, trao đổi văn hóa, thể thao với các tỉnh bạn và quốc tế thông qua các chương trình trao đổi văn hóa, thể thao và du lịch.

Tổ chức một số hoạt động và sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch mang tầm vóc quốc gia và quốc tế, qua đó, nâng cao năng lực tổ chức hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

3. Phát triển hạ tầng

Tiếp tục củng cố và nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trọng điểm của tỉnh, bao gồm khu liên hợp thể thao, sân vận động, nhà hát, hệ thống tượng đài chính, các hệ thống sân chơi, bãi tập từ tỉnh đến huyện, xã... để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về tinh thần và rèn luyện sức khỏe của nhân dân trong tỉnh ngày càng cao và là điểm đến của các cuộc thi đấu trong nước và quốc tế.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Văn hóa, Thể thao trên địa bàn toàn tỉnh về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách ưu tiên đối với đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao phụ trách hoạt động ở vùng núi, vùng sâu; đối với cán bộ thuộc nhóm ngành đặc thù, như: Nghệ nhân, nghệ sĩ, tài năng trẻ...

2. Giải pháp cơ chế, chính sách và quản lý điều hành

Thực hiện đổi mới cơ chế chính sách, cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho các lĩnh vực văn hóa, thể thao phát triển.

Xây dựng cơ chế chính sách mời các nhà nghiên cứu lịch sử, lịch sử văn hóa về địa phương nghiên cứu, chấp nối lịch sử, xây dựng ý tưởng phát huy giá trị văn hóa, di tích... Xây dựng hồ sơ nghiên cứu để nâng tầm các di tích, bảo vật quốc gia.

Cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Về xã hội hóa

Khuyến khích liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế với các đơn vị công lập để khai thác, sử dụng hiệu quả các công trình văn hóa, thể thao. Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa, ưu đãi về tín dụng, chính sách hỗ trợ tiền lãi suất vay đầu tư cơ sở văn hóa, thể thao...

4. Về tổ chức liên kết, phối hợp

Tăng cường hợp tác với các tỉnh, thành phố trong khu vực, toàn quốc, các trường đại học, các cục, vụ, viện, các đơn vị, cá nhân trong việc tổ chức, biểu diễn văn hóa nghệ thuật; tuyển chọn và đào tạo vận động viên.

5. Đầu tư cơ sở vật chất

Tăng nguồn ngân sách nhà nước cho công tác văn hóa, thể thao. Huy động vốn đầu tư thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia như chương trình nông thôn mới, vốn trái phiếu chính phủ... để đầu tư. Ưu tiên nguồn vốn ngân sách cho công tác tu bổ, tôn tạo di tích; bảo tồn di sản văn hóa; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất ngành văn hóa, thể thao nhằm hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao.

Từng bước thực hiện cơ chế tự chủ một phần đối với các đơn vị sự nghiệp, khuyến khích phát triển, mở mới các dịch vụ nhằm tạo nguồn kinh phí cho hoạt động văn hóa, thể thao đối với các đơn vị sự nghiệp.

Tuyên truyền đến các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân để huy động vốn xã hội hóa nhằm đầu tư, thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch. Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa, ưu đãi về tín dụng, chính sách hỗ trợ tiền lãi suất vay đầu tư cơ sở văn hóa, thể thao. Huy động các nguồn tài lực, vật lực của nhân dân, các tổ chức xã hội tham gia đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động văn hóa, thể thao.

Tuyên truyền đến các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân để huy động vốn xã hội hóa nhằm đầu tư, thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch. Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa, ưu đãi về tín dụng, chính sách hỗ

trợ tiền lãi suất vay đầu tư cơ sở văn hóa, thể thao. Huy động các nguồn tài lực, vật lực của nhân dân, các tổ chức xã hội tham gia đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động văn hóa, thể thao.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý ngành văn hóa, thể thao đáp ứng phát triển sự nghiệp văn hóa, gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Huy động các nguồn tài lực, vật lực của nhân dân, các tổ chức xã hội tham gia đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động văn hóa, thể thao. Ưu tiên nguồn vốn cho công tác tu bổ, tôn tạo di tích; bảo tồn di sản văn hóa; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất ngành văn hóa, thể thao nhằm hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao các cấp.

Tăng nguồn ngân sách nhà nước cho công tác văn hóa, thể thao. Huy động vốn đầu tư thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia như chương trình nông thôn mới, vốn trái phiếu chính phủ... để đầu tư. Từng bước thực hiện cơ chế tự chủ một phần đối với các đơn vị sự nghiệp, khuyến khích phát triển, mở mới các dịch vụ nhằm tạo nguồn kinh phí cho hoạt động văn hóa, thể thao đối với các đơn vị sự nghiệp.

Xây dựng các cơ chế chính sách thông thoáng về đầu tư để kêu gọi nhà đầu tư: Hỗ trợ đầu tư xây dựng, đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối; hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng; hỗ trợ về vay vốn và quảng bá tuyên truyền nhằm khuyến khích các cá nhân, các doanh nghiệp đầu tư xây dựng.

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đầy đủ và kịp thời. Đa dạng hóa, hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện hoạt động, kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển văn hóa, thể thao như: xây dựng các điểm vui chơi, các nhà văn hóa; xây dựng hệ thống các điều kiện đảm bảo cho các hoạt động TDTT từ tỉnh đến cơ sở... Đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu liên hợp thể dục thể thao cấp Tỉnh và công trình cấp huyện. Đầu tư cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các cơ sở hiện có, trang thiết bị ngày càng hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc gia quốc tế. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, củng cố cơ sở vật chất cho công trình TDTT ở các xã, phường, thị trấn khu dân cư trên địa bàn toàn tỉnh.

Mở rộng quan hệ trong nước và quốc tế về văn hóa và TDTT nhằm tăng cường sự hiểu biết, tình hữu nghị giữa các tỉnh, thành trong cả nước, giữa các nước khác và các dân tộc, góp phần phục vụ chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Chính Phủ và nâng cao trình độ chuyên môn, học tập lẫn nhau giữa các nước nói chung và của tỉnh Bắc giang nói riêng.